



BÀI TẬP
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

KẾ TOÁN VỐN BẢNG TIỀN- NỢ PHẢI THU - KHOẢN ỨNG TRƯỚC

BÀI TẬP 1 :

Tại Công ty **TNHH HÙNG PHÁT** có tài liệu kế toán trong tháng 06/200X : (Đơn vị tính : Đồng VN)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng :

Nghị ệp vụ	Ngày tháng ngày	Nội dung thu chi	Định khoản		Số tiền	
			NỢ	CÓ	NỢ	CÓ
1	2	3	4	5	6	7
1	02/06	Phiếu thu 01/06 : Thu nợ Công ty Thăng Long : 40.000.000				
2	02/06	Phiếu chi 01/06 : Chi mua vật liệu 12.000.000 Thuế GTGT 1.200.000				
3	04/06	Phiếu thu 02/06 : Rút TGNH nhập quỹ tiền mặt 50.000.000				
4	04/06	Phiếu chi 02/06 : Chi tiền ký quỹ thuê nhà ngắn hạn : 4.000.000.				
5	07/06	Phiếu thu 03/06 : Thu tiền bán sản phẩm theo giá Chưa thuế : 20.000.000 ,thuế GTGT : 2.000.000				
6	07/06	Phiếu chi 03/06 : Chi tạm ứng cho ông Thăng Đề mua văn phòng phẩm 400.000.				
7	10/06	Phiếu thu 04/06 : Thu tiền bán máy tiện theo giá				

		Chưa thuế : 5.000.000 ,thuế GTGT : 500.000.				
8	10/06	Phiếu chi 04/06 : Chi quảng cáo trên báo Tuổi trẻ Giá chưa thuế : 3.000.000 ,thuế GTGT : 300.000.				
9	15/06	Phiếu thu 05/06 : Thu tiền lãi liên doanh của Công ty Hoàng Long : 6.000.000				
10	15/06	Phiếu chi 05/06 : Chi lương kỳ I : 18.000.000				
11	17/06	Phiếu thu 06/06 : Thu tiền hoàn tạm ứng ông Hưng : 200.000				
12	17/06	Phiếu chi 06/06 : Chi tiền mua trái phiếu ngắn hạn : 8.000.000.				
13	20/06	Phiếu thu 07/06 : Thu tiền bồi thường do công ty Hiệp Thuận vi phạm hợp đồng : 2.000.000.				
14	20/06	Phiếu chi 07/06 : Chi tiền thanh toán tiền điện thoại giá chưa thuế : 3 .600.000 , thuế GTGT 360.000				
15	24/06	Phiếu thu 08/06 : Thu tiền bán sản phẩm theo giá Chưa thuế : 70.000.000 ,thuế GTGT : 7.000.000				
16	24/06	Phiếu chi 08/06 : Chi tiền thanh toán tiền điện ,nước theo giá chưa thuế 11.000.000 ,thuế GTGT 1.000.000 phân bổ cho : QLPX : 4.000.000 Bán hàng : 1.000.000 , Quản lý DN : 5.000.000				

17	27/06	Phiếu thu 09/06 : Thu nhận tiền ký quỹ ngắn hạn của Công ty Vạn Phát : 7.000.000.				
18	27/06	Phiếu chi 09/06 : Chi tiền trả nợ công ty Tân Á 15.000.000				
19	29/06	Phiếu thu 10/06 : Thu tiền mặt nhập quỹ do vay ngắn hạn : 34.000.000				
20	29/06	Phiếu chi 10/06 : Chi mua một máy vi tính theo Giá mua chưa thuế : 15.000.000 ,thuế GTGT 1.500.000				
21	30/06	Phiếu thu 11/06 : Thu nhận lại tiền ký quỹ dài hạn 12.000.000				
22	30/06	Phiếu chi 11/06 : Chi mua công cụ – dụng cụ giá chưa thuế : 280.000 ,thuế GTGT : 28.000.				

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

BÀI TẬP 2 :

Tại Công ty **TNHH HÙNG PHÁT** có tài liệu kế toán trong tháng 06/200X : (Đơn vị tính : Đồng VN)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng :

Nghiệp vụ	Ngày tháng	Nội dung thu chi	Định khoản		Số tiền	
			NỢ	CÓ	NỢ	CÓ
1	2	3	4	5	6	7
1	03/06	Giấy báo có 12 : Nộp tiền mặt vào ngân hàng : 50.000.000				
2	05/06	Giấy báo nợ 26 : Rút TGNH trả nợ công ty X 20.000.000				
3	08/0	Giấy báo có 15 : Thu nợ Công ty M :				

	6	40.000.000.				
4	10/06	Giấy báo nợ 30 : Rút TGNH mua trái phiếu ngắn hạn là 12.000.000.				
5	12/06	Giấy báo có 20 : Thu tiền bán sản phẩm theo giáChưa thuế : 30.000.000 ,thuế GTGT : 3.000.000.				
6	14/06	Giấy báo nợ 35 : Rút TGNH mua vật liệu theo giá mua chưa thuế : 10.000.000 ,thuế GTGT : 1.000.000.				
7	17/06	Giấy báo có 27 : Thu tiền lãi liên doanh của Công ty Hoàng Long : 6.000.000				
8	20/06	Giấy báo nợ 42 : Rút TGNH mua trái phiếu dài hạn : 15.000.000				
9	22/06	Giấy báo có 31 : Nhận lại tiền ký quỹ dài hạn là : 5.000.000.				
10	24/06	Giấy báo nợ 48 : Rút TGNH trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng : 30.000.000.				
11	27/06	Giấy báo có 36 : Thu tiền bồi thường do công ty Thăng Long vi phạm hợp đồng : 7.000.000.				
12	28/06	Giấy báo nợ 52 : Rút TGNH toán tiền điện , nước FAX , điện thoại giá chưa thuế : 12.000.000 , thuế GTGT : 1.200.000.				
13	29/06	Giấy báo có 67 : Thu lãi TGNH là 2.000.000				
14	30/06	Giấy báo nợ 64 : Trả lãi tiền vay ngân hàng 2.600.000				
15	30/06	Giấy báo có 71 : Nhận vốn góp liên doanh của công ty F : 100.000.000				

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

BÀI TẬP 3 :

Tại Công ty **HÙNG PHÁT** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có tài liệu kế toán (Đơn vị tính : Đồng).

1. Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ tiền mặt : **100.000.000**.
2. Khách hàng X trả nợ cho doanh nghiệp bằng tiền mặt **62.000.000** , tiền gửi ngân hàng : **38.000.000**.
3. Mua vật liệu về nhập kho thanh bằng tiền mặt là **33.000.000** trong đó thuế GTGT là 10%.
4. Mua chứng khoán ngắn hạn bằng tiền gửi ngân hàng có mệnh giá là **15.000.000** .Chi phí môi giới chi bằng tiền mặt **400.000**.
5. Mua một tài sản cố định hữu hình có giá mua chưa thuế là **40.000.000** ,thuế GTGT là 10% thanh toán bằng chuyển khoản .Chi phí vận chuyển ,bốc dỡ chi bằng tiền mặt là **1.100.000** trong đó thuế GTGT là 10% .Cho biết TSCĐ trên được đầu tư bằng quỹ đầu tư phát triển.
6. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên đi mua văn phòng phẩm : **1.000.000**.
7. Nhận khoản tiền ký quỹ ngắn hạn bằng tiền mặt là **10.000.000**.
8. Thu tiền bán sản phẩm theo giá bán là **22.000.000** trong đó thuế GTGT là 10% bằng tiền mặt.
9. Chi phí điện ,nước , điện thoại thanh toán bằng TGNH theo giá thanh toán là **21.000.000** trong đó thuế GTGT là **1.000.000** phân bổ cho quản lý phân xưởng **60%** , bán hàng **10%** , quản lý doanh nghiệp **30%**.
- 10.Thu tiền bán tài sản cố định hữu hình không cần dùng bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **4.400.000** trong đó thuế GTGT là 10%.
- 11.Mua chứng khoán dài hạn có mệnh giá : **40.000.000** thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng .Chi phí môi giới chi bằng tiền mặt là **500.000**.
- 12.Bán chứng khoán ngắn hạn bằng tiền mặt là **12.000.000** cho biết giá gốc của chứng khoán là **11.000.000**.
- 13.Thu bồi thường ông D do thu hồi các khoản phải thu khác bằng tiền mặt là **4.000.000**.
- 14.Nộp thuế xuất khẩu bằng tiền gửi ngân hàng là **10.000.000**.
- 15.Chi tiền mặt thanh toán lương cho người lao động : **16.000.000**.
- 16.Rút tiền gửi ngân hàng ứng trước cho công K để mua vật liệu là **20.000.000**.

17. Thu lãi tiền gửi ngân hàng bằng tiền gửi ngân hàng : **2.000.000**.
18. Công ty Q ứng trước tiền mua sản phẩm bằng tiền mặt là **15.000.000**.
19. Vay ngắn hạn chuyển vào tài khoản tiền gửi ngân hàng : **30.000.000**.
20. Chi bồi thường cho công ty P do vi phạm hợp đồng bằng tiền mặt là : **4.000.000**.
21. Chi tiền mặt giảm giá cho khách do hàng sai qui cách là **2.200.000** trong đó thuế GTGT là 10%.
22. Rút TGNH trả nợ dài hạn đến hạn trả : **150.000.000**.
23. Ký hợp đồng thuê một căn nhà để làm cửa hàng giới thiệu sản phẩm , giá thuê **2.000.000** /tháng , thuế GTGT 10% . Doanh nghiệp chi tiền mặt thanh toán một năm tiền thuê nhà đồng thời ký quỹ **03** tháng tiền thuê nhà .
24. Chi quảng cáo sản phẩm thanh toán bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **6.600.000** trong đó thuế GTGT là 10%.
25. Trả lãi vay ngân hàng bằng tiền gửi ngân hàng : **8.000.000**.
26. Trả lại tiền ký quỹ ngắn hạn bằng tiền mặt là **5.000.000**.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

BÀI TẬP 4 :

1. Xuất kho một lô thành phẩm có giá bán chưa thuế **40.000.000** , thuế GTGT **4.000.000** của công ty X nộp thẳng vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo của ngân hàng .
2. Thu nợ của công ty M là **20.000.000** nộp thẳng vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo ngân hàng.
3. Xuất quỹ tiền mặt **36.000.000** nộp vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo của ngân hàng .
4. Ngân hàng báo có các khoản tiền đang chuyển ở nghiệp vụ **1.2.3**.
5. Doanh nghiệp làm thủ tục chuyển TGNH trả nợ cho công ty Q là **30.000.000** nhưng chưa nhận được giấy báo của ngân hàng.
6. Nhận được thông báo của công ty Q là đã nhận được tiền mà doanh nghiệp thanh toán.
7. Công ty P ứng trước tiền mua hàng cho doanh nghiệp là **20.000.000** nộp thẳng vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo của ngân hàng .
8. Ngân hàng đã báo có về số tiền ứng trước của công ty P.

YÊU CẦU : 1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh .

2. Phản ảnh vào tài khoản tổng hợp

BÀI TẬP 5 : (TÀI KHOẢN 131)

Tại doanh nghiệp **THĂNG LỢI** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có tài liệu kế toán (**Đơn vị tính : Đồng**).

A. Số dư đầu tháng của tài khoản 131 : 30.000.000 chi tiết gồm :

- Công ty G (dư nợ) : **40.000.000**.
- Công ty P (Dư có) : **10.000.000**

B Các nghiệp phát sinh trong tháng :

- 1 Xuất kho một lô thành phẩm có giá bán chưa thuế **200.000.000** ,thuế GTGT **20.000.000** chưa thu tiền khách hàng A . Doanh nghiệp đề nghị nếu khách hàng A thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn qui định trong hợp đồng sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán là 1% trên giá bán chưa thuế . giá xuất kho **150.000.000**.
- 2 Xuất kho bán theo phương thức trả chậm cho khách hàng B giá xuất kho **260.000.000** ,giá bán trả ngay chưa thuế **300.000.000** ,thuế GTGT là 10% giá bán trả góp là **312.000.000** sẽ được khách hàng thanh toán trong vòng 06 tháng vào ngày giao hàng.
- 3 Xuất kho thành phẩm bán theo phương thức đổi hàng với khách hàng C giá bán chưa **140.000.000** ,thuế GTGT 10% đã nhận về một lô vật liệu chính trị giá chưa thuế **160.000.000** ,thuế GTGT 10% . giá xuất kho **120.000.000**
- 4 Khách hàng D ứng trước cho doanh nghiệp **100.000.000** bằng chuyển khoản để đặt mua một số sản phẩm theo yêu cầu mẫu mã .
- 5 Khách hàng B thanh toán lần thứ nhất cho doanh nghiệp bằng tiền mặt.
- 6 Khách hàng A thanh toán cho doanh nghiệp bằng TGNH trong thời hạn được hưởng chiết khấu thanh toán. .
- 7 Xuất kho một lô hàng giá bán chưa thuế **100.000.000** ,thuế GTGT 10% ,giá xuất kho **80.000.000** bán cho khách hàng E chưa thu tiền .
- 8 Giảm giá cho khách hàng E **4.000.000** ,thuế GTGT **400.000** cho trừ vào số nợ.
- 9 Xuất kho thành phẩm giao cho công ty P có giá bán chưa thuế là **15.000.000** ,thuế GTGT 10% .
- 10 Thu nợ Công ty G bằng TGNH là **20.000.000**.

YÊU CẦU :

1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh .

2. Phản ánh vào tài khoản tổng hợp.

3. Lập bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 131

Chi tiết 131 (.....)

Chi tiết 131 (.....)

Chi tiết 131 (.....)

--

--

--

Chi tiết 131 (.....)

Chi tiết 131 (.....)

Chi tiết 131 (.....)

--

--

--

Chi tiết 131 (.....)

Tài khoản 131

--

--

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 131

Tháng :.....

stt	Tên Công ty	SỐ DƯ ĐẦU THÁNG		SỐ PS TRONG THÁNG		SỐ DƯ CUỐI THÁNG	
		NỢ	CÓ	NỢ'	CÓ	NỢ	CÓ
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
	Cộng						

CHƯƠNG : KẾ TOÁN TSCĐ VÀ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

BÀI TẬP 1:

Doanh nghiệp sản xuất **THĂNG LONG** nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có tài liệu kế toán :

KẾ TOÁN CÁC TRƯỜNG HỢP TĂNG TSCĐ HỮU HÌNH :

Trường hợp 1 : Tăng TSCĐ hữu hình do mua :

- **Mua TSCĐ đưa vào sử dụng ngay :**

- Đối với TSCĐ hữu hình sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh :

Ví dụ 1 :

Doanh nghiệp mua một TSCĐ hữu hình thanh toán bằng TGNH với giá mua ghi trên hoá đơn gồm 10% thuế GTGT là **105.600.000** .Chi phí vận chuyển bốc dỡ chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **4.400.000** .TSCĐ được đưa vào sử dụng ngay. Cho biết TSCĐ trên được đầu tư bằng :

- Quỹ đầu tư phát triển.
- Nguồn vốn đầu tư XDCB
- Quỹ phúc lợi dùng cho sản xuất kinh doanh

-Đối với TSCĐ hữu hình sử dụng vào hoạt động phúc lợi :

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

Ví dụ 2 :

Doanh nghiệp mua một TSCĐ hữu hình thanh toán bằng tiền mặt với giá mua chưa thuế **34.000.000** thuế GTGT là 10% .Chi phí vận chuyển bốc dỡ chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **1.100.000** trong đó thuế GTGT là **10%** .TSCĐ được đưa vào sử dụng ngay. Cho biết TSCĐ trên được đầu tư bằng quỹ phúc lợi phục vụ cho hoạt động phúc lợi.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

Ví dụ 3 :

Doanh nghiệp mua một TSCĐ hữu hình thanh toán bằng tiền vay dài hạn ngân hàng với giá mua chưa thuế **200.000.000** thuế GTGT là 10% .Chi phí vận chuyển bốc dỡ chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **5.500.000** trong đó thuế GTGT là **10%** .TSCĐ được đưa vào sử dụng ngay.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

- **Mua TSCĐ phải qua khâu lắp đặt , sau đó đưa vào sử dụng :**

Ví dụ 4 :

Doanh nghiệp mua một TSCĐ hữu hình dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh giá mua chưa thuế là **190.000.000**, thuế GTGT là 10% thanh toán bằng tiền mặt . Chi phí vận chuyển bốc vác chưa thanh toán cho nhà cung cấp theo giá thanh toán là **4.400.000** trong đó thuế GTGT là 10%.TSCĐ này cần phải qua giai đoạn lắp đặt, chạy thử trước khi chính thức đưa vào hoạt động .Chi phí phát sinh như sau :

- Vật liệu : **1.000.000**

- Công cụ	400.000
- Tiền mặt	4.600.000

Công trình đã lắp đặt xong và đưa vào sử dụng . Cho biết nguồn vốn đầu tư là Nguồn vốn đầu tư XDCB.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

- **Mua TSCĐ theo phương thức trả chậm , trả góp :**

Ví dụ 5 :

Doanh nghiệp mua trả chậm một TSCĐ hữu hình với giá mua trả ngay chưa có thuế GTGT là **60.000.000** ,thuế GTGT **6.000.000** .Giá mua trả chậm là **66.000.000** .Thời gian trả chậm là **15** tháng .Giả sử doanh nghiệp thanh toán tháng thứ nhất bằng tiền mặt , đồng thời kết chuyển lãi trả chậm vào chi phí tài chính .

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

- **Mua TSCĐ bao gồm nhà , đất (quyền sử dụng đất):**

Ví dụ 6 :

Doanh nghiệp mua lại một cửa hàng giới thiệu sản phẩm có giá mua chưa thuế là **1.000.000.000** , thuế GTGT là 10% thanh toán bằng TGNH .Giá mua cửa hàng được phân tích như sau : Bản thân cửa hàng **400.000.000** , quyền sử dụng đất là **600.000.000** .Các khoản chi phí trước khi sử dụng chi bằng tiền mặt **10.000.000** (Gắn bảng hiệu , đèn chiếu sáng ..)

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

- **Nhập khẩu TSCĐ hữu hình :**

Ví dụ 7 :

Doanh nghiệp nhập khẩu trực tiếp một máy móc thiết bị chuyên dùng của Công ty Đài Loan với giá CIF/HCM **40.000** USD ,thuế nhập khẩu là **20%** ,thuế GTGT là **10%** .Tỉ giá ngoại tệ là **16.800** VND/USD. Chi phí vận chuyển chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **14.960.000** trong đó thuế GTGT là **10%** . Cho biết nguồn đầu tư là **60%** nguồn vốn Đầu tư XDCB , phần còn lại là quỹ đầu tư phát triển

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

Trường hợp 2 : Tăng TSCĐ XDCB hoàn thành bàn giao :

Ví dụ 8 :

Nhận bàn giao 1 phân xưởng sản xuất từ bộ phận XDCB, giá thành thực tế được quyết toán **480.000.000đ**. Thuế trước bạ phải nộp **20.000.000**. Tài sản này được xây dựng bằng nguồn vốn XDCB.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

Trường hợp 3 : Tăng TSCĐ do tự chế tạo

Ví dụ 9 :

Doanh nghiệp xuất kho một số sản phẩm trị giá **20.000.000** để sử dụng làm TSCĐ hữu hình. chi phí lắp đặt chi bằng tiền mặt **400.000**.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

Trường hợp 4 : Tăng TSCĐ do được tài trợ , biếu tặng

Ví dụ 10 :

Doanh nghiệp được công ty X tặng một TSCĐ hữu hình trị giá xác định theo giá thị trường là **100.000.000**. Chi phí vận chuyển chi bằng tiền mặt là **2.200.000** trong đó thuế GTGT là 10% .

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

Trường hợp 5 : Tăng tài sản do trao đổi tương tự :

Ví dụ 11 :

Doanh nghiệp đem một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **200.000.000** đã khấu hao là **50.000.000** để trao đổi lấy một TSCĐ hữu hình tương tự

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

Trường hợp 6 : Tăng tài sản do trao đổi tương tự :

Ví dụ 12 :

Doanh nghiệp đem một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **400.000.000** đã khấu hao là **100.000.000** để trao đổi lấy một TSCĐ hữu hình không tương tự theo hợp đồng trao đổi với công ty H. Trị giá hợp đồng chưa thuế của tài sản đem đi trao đổi là **350.000.000**, thuế GTGT là **35.000.000**. Trị giá hợp lý chưa thuế của tài sản nhận về là **380.000.000**, thuế GTGT là **38.000.000**.

KẾ TOÁN CÁC TRƯỜNG HỢP GIẢM TSCĐ HỮU HÌNH

Trường hợp 1 : Giảm TSCĐ do nhượng bán :

- Đối với TSCĐ hữu hình đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh:

Ví dụ 1 :

Doanh nghiệp quyết định nhượng bán một TSCĐ hữu hình đang hoạt động sản xuất kinh doanh có nguyên giá **200.000.000** , đã hao mòn **120.000.000** với giá chưa thuế là **100.000.000** , thuế GTGT là 10% thu bằng tiền mặt .Chi phí nhượng bán TSCĐ chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **1.100.000** trong đó thuế GTGT là 10%.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

- *Đối với TSCĐ hữu hình đang sử dụng vào hoạt động phức lợi:*

Ví dụ 2 :

Doanh nghiệp quyết định nhượng bán một TSCĐ hữu hình đang phục vụ cho hoạt động phức lợi có nguyên giá **50.000.000** , đã hao mòn **20.000.000** với giá chưa thuế là **40.000.000** , thuế GTGT là 10% thu bằng tiền mặt .Chi phí nhượng bán TSCĐ chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **660.000** trong đó thuế GTGT là 10%.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

Trường hợp 2 : Giảm TSCĐ do thanh lý :

Ví dụ 3 :

Doanh nghiệp quyết định thanh lý một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **50.000.000** , đã khấu hao hết .Chi phí thanh lý gồm : Vật liệu : **500.000** , Công cụ : **200.000** , Tiền mặt : **300.000** . Giá trị phế liệu thu hồi nhập kho **2.000.000**.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

Ví dụ 4 :

Doanh nghiệp quyết định thanh lý một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **80.000.000** , đã khấu hao **70.000.000** .Chi phí thanh lý gồm : Vật liệu : **1.000.000** , Công cụ : **400.000** , Tiền mặt : **200.000** . Giá trị phế liệu bán thu bằng tiền mặt theo giá chưa thuế **6.000.000** , thuế GTGT : **600.000**.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

Trường hợp 3 : Giảm TSCĐ do chuyển thành công cụ – dụng cụ :

Ví dụ 5 :

Doanh nghiệp quyết định chuyển một TSCĐ hữu hình tại bộ phận bán hàng có nguyên giá **15.000.000** , đã khấu hao là **7.000.000** thành Công cụ – dụng cụ .Vì giá trị còn lại lớn nên doanh nghiệp quyết định phân bổ trong **5** tháng kể từ tháng này.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

Trường hợp 4 : Giảm TSCĐ do góp vốn liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng

kiểm soát :

Ví dụ 6 :

Doanh nghiệp đem một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **1.000.000.000** đã khấu hao **200.000.000** góp vốn liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát Q . Hội đồng liên doanh Q xác định giá trị vốn góp của tài sản trên là **900.000.000** , cho biết tỉ lệ vốn góp của doanh nghiệp vào liên doanh là **20%** , thời gian sử dụng của TSCĐ được bên liên doanh xác định là còn **4** năm.

Ví dụ 7 :

Doanh nghiệp đem một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **600.000.000** đã khấu hao **100.000.000** góp vốn liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát P . Hội đồng liên doanh P xác định giá trị vốn góp của tài sản trên là **450.000.000** ,

Trường hợp 5 : Giảm TSCĐ do đầu tư vào công ty liên kết :

Ví dụ 8 :

Doanh nghiệp đem một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **700.000.000** đã khấu hao **100.000.000** đầu tư vào công ty liên kết R . Hội đồng công ty R xác định giá trị của tài sản trên là **650.000.000**.

Ví dụ 9 :

Doanh nghiệp đem một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **800.000.000** đã khấu hao **160.000.000** đầu tư vào công ty liên kết S . Hội đồng công ty S xác định giá trị của tài sản trên là **600.000.000**.

Trường hợp 6 : Giảm TSCĐ do đem cầm cố :

Ví dụ 10:

Doanh nghiệp đem một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **400.000.000** , đã hao mòn **100.000.000** đem cầm cố vay ngân hàng.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản nghiệp vụ

BÀI TẬP 1:

Tại 1 DN có tình hình tăng giảm TSCĐ như sau:

1. Mua 1 chiếc xe tải có giá mua chưa thuế **300.000.000đ**, thuế suất GTGT 10%, đã thanh toán bằng TGNH. Chi phí sửa chữa tân trang xe trước khi sử dụng **4.200.000đ**, trong đó thuế **200.000đ** trả bằng TM. Công việc sửa chữa chưa xong.

2. Mua trả góp 1 chiếc xe hơi, giá mua chưa thuế thanh toán ngay **400.000.000đ**, thuế suất VAT **10%**, giá mua trả góp **416.000.000đ**. Tiền thuế trước bạ **16.000.000đ** đã nộp bằng TM. Ngay khi nhận xe. DN đã trả $\frac{1}{2}$ bằng TM, số còn lại trả góp trong 1 năm. Giả sử doanh nghiệp trả góp tháng thứ nhất bằng tiền mặt, đồng thời kết chuyển lãi trả góp.
3. Đánh giá lại tăng giá 1 TSCĐ có nguyên giá **40.000.000đ**, đã hao mòn **10.000.000đ** lên 2 lần.
4. Nhận 1 TSCĐ góp vốn liên doanh, hội đồng liên doanh đánh giá vốn góp **100.000.000đ**.
5. Chiếc xe tải đã sửa chữa xong, chi phí chạy thử **200.000đ** trả bằng TM, xe được đưa vào sử dụng ở bộ phận bán hàng. Tài sản này được mua bằng Quỹ đầu tư phát triển.
6. Doanh nghiệp mua một TSCĐ hữu hình bằng quỹ phúc lợi dùng cho hoạt động phúc lợi có giá mua chưa thuế là **26.000.000**, thuế GTGT là **2.600.000**. Chi phí vận chuyển bốc dỡ chi bằng tiền mặt **1.400.000**. Cho biết thời gian sử dụng là **6** năm. Hàng năm doanh nghiệp tính giá trị hao mòn theo phương pháp đường thẳng. Giả sử sau 02 năm doanh nghiệp quyết định TSCĐ trên với giá bán chưa thuế là **25.000.000**, thuế GTGT là **10%**, chi phí vận chuyển TSCĐ đem bán chi bằng tiền mặt **400.000**.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ

BÀI TẬP 2 :

Tại 1 DN có tình hình tăng giảm TSCĐ như sau:

1. Doanh nghiệp đem một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **800.000.000** đã khấu hao là **300.000.000** góp vốn liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát T. Hội đồng liên doanh công ty T xác định giá trị vốn góp của tài sản trên là **600.000.000**. Cho biết tỉ lệ vốn góp của doanh nghiệp trong liên doanh là **30%**, thời gian sử dụng của TSCĐ được công ty T xác định là **4** năm. Chi phí vận chuyển tài sản đi góp vốn chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **4.400.000** trong đó thuế GTGT là **10%**.
2. Doanh nghiệp đem một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **500.000.000** đã khấu hao là **100.000.000** góp vốn liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát H. Hội đồng liên doanh công ty H xác định giá trị vốn góp của tài sản trên là **350.000.000**. Chi phí vận chuyển tài sản đi góp vốn chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **2.200.000** trong đó thuế GTGT là **10%**.
3. Doanh nghiệp đem một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **700.000.000** đã khấu hao là **150.000.000** đầu tư vào công ty liên kết S. Công ty S xác định giá trị vốn góp của tài sản

- trên là **600.000.000** . Chi phí vận chuyển tài sản đi đầu tư chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **2.200.000** trong đó thuế GTGT là **10%**.
4. Doanh nghiệp đem một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **400.000.000** đã khấu hao là **80.000.000** đầu tư vào công ty liên kết R . Công ty R xác định giá trị vốn góp của tài sản trên là **300.000.000** . Chi phí vận chuyển tài sản đi đầu tư chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **1.100.000** trong đó thuế GTGT là **10%**.
 5. Doanh nghiệp đem một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **100.000.000** đã khấu hao là **20.000.000** để trao đổi lấy một TSCĐ hữu hình tương tự . Chi phí vận chuyển tài sản nhận về bằng tiền mặt là **1.100.000**. Giả sử nếu có phát sinh chi phí vận chuyển tài sản đem đi trao đổi thì hạch toán như thế nào ?
 6. Doanh nghiệp đem một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **300.000.000** đã khấu hao là **50.000.000** để trao đổi lấy một tSCĐ hữu hình không tương tự theo hợp đồng trao đổi với công ty K . Chi phí vận chuyển tài sản nhận về bằng tiền mặt là **1.100.000**. Trị giá hợp đồng chưa thuế của tài sản đem đi trao đổi là **90.000.000** , thuế GTGT là **9.000.000** . Trị giá hợp lý chưa thuế của tài sản nhận về là **95.000.000** , thuế GTGT là **9.500.000** . Chi phí vận chuyển tài sản đem đi bằng tiền mặt là **880.000** trong đó thuế GTGT là **10%** . Việc giao nhận tài sản đã hoàn tất , hai bên đã thanh lý hợp đồng và quyết toán công nợ bằng tiền mặt . Giả sử nếu có phát sinh chi phí vận chuyển tài sản nhận về thì hạch toán như thế nào ?
 7. Nhận vốn góp liên doanh của công ty L : một máy móc thiết bị sử dụng cho phân xưởng sản xuất , theo đánh giá của Hội đồng lện doanh tài sản này trị giá **500.000.000**.
 8. Vay dài hạn để mua một thiết bị văn phòng theo giá mua chưa thuế là **120.000.000** , thuế GTGT **10%** . Chi phí trước khi sử dụng chi bằng tiền mặt là **1.100.000** trong đó thuế GTGT là **10%**.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ

BÀI TẬP 8 :

Doanh nghiệp quyết định bán một TSCĐ hữu hình không cần dùng có nguyên giá **200.000.000** , đã khấu hao **100.000.000** theo phương thức đấu giá công khai và giá bán khởi điểm là **180.000.000**.

1. Chi phí đăng thông báo bán đấu giá là **1.100.000** trong đó thuế GTGT là **10%** thanh toán bằng tiền mặt.

2. Có 5 đơn vị tham giá đấu thầu đăng ký tham dự lệ phí **400.000 đ/người X 5 = 2.000.000** thu bằng tiền mặt .Tiền đặt cược đã thu bằng chuyển khoản của 5 đơn vị này là **5 X 6.000.000 = 30.000.000**.
3. Chi phí tổ chức buổi bán đấu giá tài sản chi bằng tiền mặt là **2.200.000** trong đó thuế GTGT là 10%.
4. Theo kết quả bán đấu giá doanh nghiệp đã bán được TSCĐ này với giá bán chưa thuế là **200.000.000** ,thuế GTGT là 10% chưa thu tiền .
5. Tiền bồi dưỡng các thành viên trong hội đồng bán TSCĐ chi bằng tiền mặt là **1.000.000**.
6. Ngân hàng báo có về **214.000.000** về khoản thu số tiền bán TSCĐ nói trên ,đồng thời báo nợ **24.000.000** về khoản hoàn trả tiền đặt cược cho các đơn vị tham gia đấu giá còn lại .

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

CHƯƠNG : KẾ TOÁN VẬT LIỆU – CÔNG CỤ DỤNG CỤ

BÀI TẬP 1

Doanh nghiệp sản xuất **THẮNG LỢI** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ cá tài liệu kế toán : (Đơn vị tính : Đồng)

KẾ TOÁN CÁC TRƯỜNG HỢP TĂNG - GIẢM VẬT LIỆU :

(Theo phương pháp kê khai thường xuyên).

KẾ TOÁN CÁC TRƯỜNG HỢP TĂNG VẬT LIỆU :

TRƯỜNG HỢP 1 : Tăng Vật liệu do mua

- **Mua vật liệu nhập kho** :

Vật liệu – hóa đơn cùng có :

Ví dụ 1 :

Doanh nghiệp mua Vật liệu của Công ty X thanh toán bằng TGNH theo giá mua chưa thuế là **40.000.000** , thuế GTGT là **4.000.000** đã nhập kho đủ. Đính kèm hoá đơn GTGT số 24569 , Chi phí vận chuyển bốc dỡ chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **420.000** trong đó thuế GTGT là 5% . Đính kèm hoá đơn GTGT số 14564.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

Ví dụ 2 :

Doanh nghiệp mua vật liệu của Công ty K thanh toán bằng TGNH theo giá mua chưa thuế , thuế GTGT là 10% : Vật liệu chính : **2.000 Kg X 30.000 = 60.000.000** , Vật liệu phụ : **500 Kg X 20.000 = 10.000.000** đã nhập kho đủ Đính kèm hoá đơn GTGT số 45612 .Chi phí vận chuyển chi bằng tiền tạm ứng theo giá thanh toán là **1.540.000** trong đó thuế GTGT là 10% được phân bổ cho vật liệu chính và vật liệu phụ theo tiêu thức giá trị thực tế nhập kho. Đính kèm hoá đơn GTGT số 74163.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

Vật liệu có – hóa đơn chưa có (Hàng chưa có hóa đơn) :

Ví dụ 3 :

- Ngày 28/06 Doanh nghiệp ký hợp đồng mua vật liệu với Công ty P với số lượng là **500 Kg**. Công ty P đã giao đủ vật liệu theo hợp đồng. Do Doanh nghiệp chưa thanh toán tiền mua hàng nên đến cuối ngày 30/06 Công ty P chưa chuyển hóa đơn GTGT . kế toán đã nhập kho theo giá tạm tính là **20.000 Đ/kg** .

- Ngày 02/07 Doanh nghiệp chuyển tiền mặt thanh toán cho Công ty P nên Công ty P đã chuyển hoá đơn GTGT

Hoá đơn GTGT	Trường hợp 1	Trường hợp 2	Trường hợp 3
- Giá bán chưa thuế	500 X 20.000 = 10.000.000	500 X 22.000 = 11.000.000	500 X 18.000 = 9.000.000
- Thuế GTGT : 10%	1.000.000	1.100.000	900.000
- Tổng thanh toán	11.000.000	12.100.000	9.900.000

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

Hóa đơn có – vật liệu chưa có (Hàng mua đang đi đường) :

Ví dụ 4 :

- Ngày 28/06 Doanh nghiệp ký hợp đồng mua vật liệu với Công ty Q và đã thanh toán bằng tiền mặt . Công ty Q đã giao hoá đơn GTGT số 24569 **1.000 X 40.000 = 40.000.000** , thuế GTGT **4.000.000**. Nhưng đến cuối ngày 30/06 số vật liệu trên chưa về đến doanh nghiệp.

- Ngày 02/07 Số vật liệu đang đi đường của tháng trước đã về : Nhập kho đủ.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

- **Mua vật liệu không nhập kho :**

Ví dụ 5 :

Doanh nghiệp mua Vật liệu thanh toán bằng tiền mặt cho Công ty M theo giá thanh toán **110.000.000** , trong đó thuế GTGT là **10 %** không nhập kho , đưa thẳng vào để trực tiếp sản xuất sản phẩm. Đính kèm hoá đơn GTGT số 84531.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

- **Mua vật liệu được hưởng chiết khấu thanh toán :**

Ví dụ 6 :

- Ngày 12/06 Doanh nghiệp ký hợp đồng mua vật liệu với Công ty S theo giá mua chưa thuế là **60.000.000** , thuế GTGT là **6.000.000** chưa thanh toán ,đã nhập kho đủ ,đính kèm hoá đơn GTGT số 54126 .Công ty S đề nghị nếu doanh nghiệp thanh toán tiền mua vật liệu trong vòng **10** ngày kể từ ngày mua hàng sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán là **2%** trên giá mua chưa thuế.

- Ngày **20/06** Doanh nghiệp chuyển TGNH thanh toán cho Công ty S nên được hưởng chiết khấu thanh toán.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

- **Mua vật liệu được hưởng chiết khấu thương mại :**

Ví dụ 7 :

Công ty G (Đơn vị bán) có chính sách chiết khấu thương mại đối với khách hàng và đã đăng ký với Sở Thương mại nội dung : Nếu khách hàng mua vật liệu từ **1.000 Kg** trở lên sẽ được hưởng chiết khấu thương mại là **2%** trên giá bán chưa thuế,cho biết giá bán chưa thuế là **100.000 Đ/kg**, thuế GTGT là **10%** .Doanh nghiệp ký hợp đồng mua của Công ty G là **1.200 Kg** và thanh toán bằng TGNH.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

- **Mua vật liệu , sau đó được giảm giá :**

Ví dụ 8 :

- Doanh nghiệp mua vật liệu của Công ty H thanh toán bằng TGNH theo giá mua chưa thuế là **2.000 kg X 40.000 = 80.000.000** , thuế GTGT **8.000.000**. Đính kèm hoá đơn GTGT số 75126.

- Khi kiểm nhận nhập kho Doanh nghiệp phát hiện có **100 Kg** sai qui cách nên Công ty H đã giảm giá **4.000 Đ/kg** và chi tiền mặt thanh toán cho Doanh nghiệp.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

- **Mua vật liệu , sau đó trả lại** :

Ví dụ 9 :

- Doanh nghiệp mua vật liệu của Công ty L thanh toán bằng tiền mặt theo giá mua chưa thuế là **1.000 kg X 100.000 = 100.000.000** , thuế GTGT **10.000.000**.

- Khi kiểm nhận nhập kho Doanh nghiệp phát hiện có **50 Kg** sai qui cách nên đã trả lại cho Công ty L và Công ty L chi tiền mặt thanh toán cho Doanh nghiệp.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

- **Mua vật liệu , có phát sinh thiếu so với hóa đơn** :

Ví dụ 10 :

Doanh nghiệp mua vật liệu của Công ty V theo **phương thức giao hàng tại kho của doanh nghiệp** , thanh toán bằng tiền mặt theo giá mua chưa thuế là **1.000 kg X 70.000 = 70.000.000** , thuế GTGT **7.000.000**. Khi kiểm nhận nhập kho phát hiện thiếu **50 Kg** chưa rõ nguyên nhân.

Cách xử lý vật liệu thiếu :

+ Công ty V cho biết đã giao thiếu và giao thêm cho doanh nghiệp **50 kg** vật liệu thiếu.

+ Công ty V cho biết đã giao thiếu nhưng không còn vật liệu để giao và đồng ý thanh toán cho doanh nghiệp bằng tiền mặt.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

Ví dụ 11 :

Doanh nghiệp mua vật liệu của Công ty S theo **phương thức nhận hàng tại kho của Công ty S** , thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng theo giá mua chưa thuế là **2.000 kg X 45.000 = 90.000.000** , thuế GTGT **9.000.000**. Khi về Vật liệu về đến doanh nghiệp kiểm nhận nhập kho phát hiện thiếu **40 Kg** chưa rõ nguyên nhân.

Cách xử lý vật liệu thiếu :

+ Số vật liệu thiếu do bộ phận áp tải vật liệu làm mất phải thu bồi thường.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

Ví dụ 12 :

Doanh nghiệp mua vật liệu của Công ty G theo **phương thức nhận hàng tại kho của Công ty G** thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng theo giá mua chưa thuế là **1.000 kg X 100.000 = 100.000.000** , thuế GTGT **10.000.000**. Khi vật liệu về đến doanh nghiệp kiểm nhận nhập kho phát hiện thiếu **100 Kg** chưa rõ nguyên nhân .Cho biết hao hụt trong định mức là **2%** trên

giá mua chưa thuế .Số vật liệu thiếu trên định mức chờ xử lý . Sau đó xác định nguyên nhân do bộ phận áp tải làm mất phải thu bồi thường nhưng chưa thu.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

- **Mua vật liệu ,có phát sinh thừa so với hóa đơn** :

Ví dụ 13 :

Doanh nghiệp mua vật liệu của Công ty J do bên bán chuyển đến thanh toán bằng tiền mặt theo giá mua chưa thuế là **1.000 kg X 40.000 = 40.000.000** ,thuế GTGT **4.000.000**. Khi kiểm nhận nhập kho phát hiện thừa **200 Kg** chưa rõ nguyên nhân.Doanh nghiệp chỉ nhập theo đúng số hoá đơn , **số vật liệu thừa đang giữ hộ.**

Cách xử lý vật liệu thừa :

+ Công ty J cho biết đã giao thừa vật liệu và đã đến nhận lại vật liệu thừa.
+ Giả sử Công ty J đề nghị bán luôn số vật liệu thừa doanh nghiệp mua nhưng chưa thanh toán.

+ Giả sử Công ty J đề nghị bán luôn số vật liệu thừa doanh nghiệp chỉ mua **100 kg** chưa thanh toán , số còn lại đã trả cho Công ty J.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

Ví dụ 14 :

Doanh nghiệp mua vật liệu của Công ty R do bên bán chuyển đến , thanh toán bằng TGNH theo giá mua chưa thuế là **1.000 kg X 90.000 = 90.000.000** , thuế GTGT **9.000.000**. Khi kiểm nhận nhập kho phát hiện thừa **100 Kg** chưa rõ nguyên nhân.**Doanh nghiệp nhập kho luôn số vật liệu thừa.**

Cách xử lý vật liệu thừa :

+ Công ty R cho biết đã giao thừa vật liệu và đã đến nhận lại vật liệu thừa.
+ Giả sử Công ty R đề nghị bán luôn số vật liệu thừa doanh nghiệp mua nhưng chưa thanh toán.

+ Giả sử Công ty R chỉ đồng ý bán **50 kg** vật liệu thừa doanh nghiệp mua chưa thanh toán , số còn lại đã trả cho Công ty R.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

- **Nhập khẩu vật liệu** :

Ví dụ 15 :

Doanh nghiệp ký hợp đồng với Công ty Đài Loan nhập khẩu trực tiếp **1 tấn** vật liệu theo giá CIF/HCM trị giá là **20.000 USD** ,thuế nhập khẩu là **20%** .thuế GTGT của hàng nhập khẩu

là **10%** .Chi phí vận chuyển bốc dỡ ,lệ phí hải quan chi bằng tiền mặt là **2.200.000** trong đó thuế GTGT là **10%** .Tỉ giá hối đoái ngày giao dịch mua hàng là **16.800 VND/USD**. Vật liệu đã nhập kho đủ.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

TRƯỜNG HỢP 2 : Tặng Vật liệu do thuê gia công nhập lại

1. Xuất kho vật liệu giá thực tế là **18.000.000** để gia công chế biến thành bán thành phẩm A1.
2. Chi phí gia công phải trả cho xưởng X theo giá thanh toán là **1.650.000** trong đó thuế GTGT là **10%**
3. Chi phí vận chuyển vật liệu gia công chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **550.000** trong đó thuế GTGT là **10%** .
4. Nhập kho **500** bán thành phẩm A1 do xưởng X bàn giao .

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ .

TRƯỜNG HỢP 3 : Tặng Vật liệu do được biếu, tặng

1. Doanh nghiệp được công ty M tặng một số vật liệu theo biên bản giao nhận là **40.000.000**.
2. Chi phí vận chuyển vật liệu doanh chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **660.000** trong đó thuế GTGT là **10%**

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ .

TRƯỜNG HỢP 4 : Tặng Vật liệu do nhận vốn góp liên doanh

Doanh nghiệp nhận vốn góp liên doanh bằng vật liệu của công ty X . Hội đồng liên doanh của doanh nghiệp xác định giá trị vốn góp của vật liệu trên là **200.000.000**.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ .

KẾ TOÁN CÁC TRƯỜNG HỢP GIẢM VẬT LIỆU :

- TRƯỜNG HỢP 1: Xuất vật liệu cho sản xuất và quản lý :

Ví dụ 1 :

Xuất kho vật liệu chính theo giá thực tế là **80.000.000** để trực tiếp sản xuất sản phẩm.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

Ví dụ 2 :

Xuất kho vật liệu chính theo giá thực tế là **100.000.000** để trực tiếp sản xuất sản phẩm trong đó sản phẩm A : **60%** , sản phẩm B : **40%** .

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

Ví dụ 3 :

Xuất kho vật liệu phụ theo giá thực tế là **20.000.000** để trực tiếp sản xuất sản phẩm trong đó :

- Trực tiếp sản xuất sản phẩm : **60%**,
- Số còn lại : Phân bổ cho : Quản lý phân xưởng **60 %** - Bán hàng : **10 %** - Quản lý Doanh nghiệp : **30%**.

YÊU CẦU : Định khoản các nghiệp vụ

- TRƯỜNG HỢP 2: Xuất vật liệu bán :

Ví dụ 4 :

Doanh nghiệp quyết định bán vật liệu theo giá xuất kho là **20.000.000** theo giá bán chưa thuế là **26.000.000** , thuế GTGT là **10%** thu bằng tiền mặt.

-TRƯỜNG HỢP 3 : Xuất vật liệu góp vốn liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát :

Ví dụ 5 :

Doanh nghiệp đem một số vật liệu trị ghi sổ kế toán là **400.000.000** đem góp vốn liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát K . Hội đồng liên doanh K xác định giá trị vốn góp của vật liệu trên là **500.000.000** . Cho biết tỉ lệ vốn góp của doanh nghiệp vào cơ sở kinh doanh là **20%** . Giả sử sau đó liên doanh K đã bán số vật liệu trên cho công ty X và đã thu tiền.

YÊU CẦU: Định khoản các nghiệp vụ

Ví dụ 6 :

Doanh nghiệp đem một số vật liệu trị ghi sổ kế toán là **300.000.000** đem góp vốn liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát Q . Hội đồng liên doanh K xác định giá trị vốn góp của vật liệu trên là **250.000.000** .

YÊU CẦU: Định khoản các nghiệp vụ

-TRƯỜNG HỢP 4 : Xuất vật liệu đầu tư vào công ty liên kết :

Ví dụ 7 :

Doanh nghiệp đem một số vật liệu trị ghi sổ kế toán là **400.000.000** đem đầu tư vào công ty liên kết P . Công ty liên kết P xác định giá trị vốn góp của vật liệu trên là **460.000.000** .

YÊU CẦU: Định khoản các nghiệp vụ

Ví dụ 8 :

Doanh nghiệp đem một số vật liệu trị ghi sổ kế toán là **550.000.000** đem đầu tư vào công ty liên kết R . Công ty liên kết R xác định giá trị vốn góp của vật liệu trên là **520.000.000** .

YÊU CẦU: Định khoản các nghiệp vụ

KẾ TOÁN CÁC TRƯỜNG HỢP TĂNG - GIẢM VẬT LIỆU :

(Theo Phương pháp Kiểm kê định kỳ)

BÀI TẬP 2

Danh nghiệp sản xuất **THANH HẢI** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp **Kiểm kê Định kỳ** và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ .Trong tháng 06 có tài liệu nhập xuất vật liệu như sau:

A. Số dư ngày 31/05 của các Tài khoản:

- Tài khoản 151 : **18.000.000**
- Tài khoản 152 : **15.000.000**

B. Các nghiệp kinh tế phát sinh trong tháng 06 :

1. Đầu tháng kết chuyển Trị giá vật liệu tồn kho .
2. Đầu tháng kết chuyển Trị giá vật liệu đang đi đường của tháng trước.
3. Nhận được hoá đơn GTGT về mua Vật liệu N theo Giá mua chưa thuế thanh toán

Cho cty K :

- Giá mua chưa thuế : **180.000.000**
 - Thuế GTGT 10% : **18.000.000**
 - Tổng thanh toán : **198.000.000** .
4. Khi kiểm nhận vật liệu N mua của Công ty K , Doanh nghiệp phát hiện có một số sai qui cách trị giá chưa thuế là **10.000.000** ,thuế GTGT là **1.000.000** nên đã trả lại và Công ty K cho trừ vào nợ.
 5. **Cuối tháng căn cứ Biên bản kiểm kê Vật liệu xác định như sau:**
 - Giá trị vật liệu thiếu là : **5.000.000**.
 - Giá trị vật liệu tồn kho cuối tháng 06 là : **20.000.000** .
 - Giá trị vật liệu còn đang đi đường đến cuối tháng là **8.000.000**.
 - Giá trị vật liệu xuất trong kỳ được phân bổ cho :
 - Trực tiếp sản xuất sản phẩm : **70%**.

- Quản lý phân xưởng sản xuất : **20%**

- Bộ phận quản lý doanh nghiệp : **10%**

YÊU CẦU :

1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ.

2. Phản ánh vào tài khoản tổng hợp

BÀI TẬP 3 : KIỂM KÊ VẬT LIỆU :

A. Kết quả kiểm kê :

Vật liệu chính A : Kiểm kê thực tế : **2.100 kg** - sổ sách kế toán : **2.000 Kg** ,Đơn giá : **100.000 đ/kg**

Vật liệu phụ B : Kiểm kê thực tế : **320 kg** - sổ sách kế toán : **400 Kg** Đơn giá : **20.000 đ/kg**

B kết quả xử lý vật liệu thừa – thiếu như sau :

1/ **Vật liệu thừa** : Giảm giá vốn hàng bán : **80 %** , số còn lại tăng thu nhập khác .

2/ **Vật liệu thiếu** : Thu bồi thường **70%** , số còn lại hạch toán vào giá vốn hàng bán .

C. Tài liệu bổ sung :

- Số luận chuyển trong 6 tháng của vật liệu chính A : vật liệu phụ B :

- Tỷ lệ hao hụt trong định mức của vật liệu chính A : vật liệu phụ B :

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ.

BÀI TẬP 4

Danh nghiệp sản xuất **TRUNG NGUYÊN** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kế khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ .Trong tháng **06** có tài liệu nhập xuất **CÔNG CỤ** như sau:

1. Mua Công cụ thanh toán bằng TGNH theo giá thanh toán là **4.200.000** trong đó thuế GTGT là **5%**. Chi phí vận chuyển bốc dỡ chi bằng tiền mặt là **132.000** trong đó thuế TGT là **10%** ,đã nhập kho đủ.

2. Mua Công cụ thanh toán bằng tiền mặt với giá mua chưa thuế là **200.000**, thuế GTGT là **20.000** không nhập kho có kế hoạch đưa thẳng vào sử dụng ở phân xưởng sản xuất.

3. Mua Công cụ thanh toán bằng TGNH với giá mua chưa thuế là **6.000.000** ,thuế GTGT là **600.000** không nhập kho có kế hoạch đưa thẳng vào sử dụng ở Bộ phận Quản lý doanh nghiệp . Kế toán phân bổ trong **06** tháng kể từ tháng này.

4. Nhập công cụ do thuê ngoài gia công là **4.000.000**.

5. Xuất công cụ loại phân bổ 01 lần giá thực tế là **1.000.000** dùng cho Bộ phận Bán hàng.
 6. Xuất công cụ loại phân bổ 02 lần giá thực tế là **8.000.000** dùng cho quản lý Doanh nghiệp.
 7. Báo hỏng công cụ phân bổ hai lần ở nghiệp vụ (6) : Các tình huống :
 - Phân bổ lần hai .
 - Phân bổ lần hai có thu hồi phế liệu nhập kho trị giá **200.000**.
 - Bộ phận sử dụng làm hỏng phải thu bồi thường , phế liệu thu hồi nhập kho trị giá **500.000**
 8. Xuất công cụ loại phân bổ nhiều lần giá thực tế là **15.000.000** dùng cho quản lý phân xưởng sản xuất . Kế toán phân bổ trong **15** tháng .
 9. Báo hỏng công cụ loại phân bổ hai lần tại phân xưởng sản xuất có giá thực tế là **6.000.000** phế liệu thu hồi là **200.000** .
 10. Giả sử cuối tháng kiểm kê kho Công cụ xác định :
 - Giá trị Công cụ thiếu trị giá là **2.000.000** chờ xử lý .
 - Giá trị Công cụ thừa trị giá là **1.000.000** chờ xử lý.
 - **Quyết định xử lý** :
 - + **Công cụ thiếu**: bắt thủ kho bồi thường nhưng chưa thu. Sau đó cho trừ vào lương trong 04 tháng.
 - + **Công cụ thừa** : Cho giảm chi phí quản lý Doanh nghiệp.
- YÊU CẦU** : Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ.

BÀI TẬP 5

Danh nghiệp sản xuất **THANH HẢI** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kế khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ .Trong tháng **06** có tài liệu nhập xuất **CÔNG CỤ** như sau:

- 1) Nhập kho công cụ chưa thanh toán bằng theo giá thanh toán là **2.000.000** trong đó thuế GTGT là 10%. Chi phí vận chuyển bốc dỡ chi bằng tiền mặt là **110.000** trong đó thuế TGT là **10%** , đã nhập kho đủ.
- 2) Nhập kho công cụ thanh toán bằng tiền tạm ứng với giá mua chưa thuế là **800.000**, thuế GTGT là **80.000**.
- 3) Xuất công cụ phục vụ cho phân xưởng sản xuất giá thực tế là **2.100.000** Kế toán phân bổ dần trong **06** tháng kể từ tháng này.

- 4) Xuất công cụ loại phân bổ 01 lần giá thực tế là **600.000** dùng cho Bộ phận Quản lý doanh nghiệp.
- 5) Xuất công cụ loại phân bổ 02 lần : Dùng cho phân xưởng sản xuất giá thực tế là **1.000.000** và cho bộ phận bán hàng **800.000**.
- 6) **Phân xưởng sản xuất báo hỏng** :
- Loại phân bổ 2 lần : Giá thực tế lúc xuất kho là **4.000.000** , phế liệu thu hồi nhập kho **200.000** . Giá trị còn lại của công cụ tính vào chi phí có liên quan.
 - Loại phân bổ nhiều lần : Giá thực tế lúc xuất kho là **6.000.000** , Đã phân bổ **2.000.000** .
Giá trị còn lại của công cụ : bắt bồi thường **50%** , tính vào chi phí có liên quan **50%** .
- YÊU CẦU** : **Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ.**

BÀI TẬP 6

Danh nghiệp sản xuất **VĨNH PHƯỚC** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ .Trong tháng 06 có tài liệu nhập xuất vật liệu như sau:

A. Số dư ngày 31/05 của Tài khoản

- Tài khoản 153 : **400 cái X 10.000 = 4.000.000**
- Các Tài khoản có số dư giả định.

B. Các nghiệp kinh tế phát sinh trong tháng 06 :

- Nhận được hoá đơn GTGT về mua Công cụ theo Chưa thanh toán Công ty R :
 - Giá mua chưa thuế : **600 cái X 11.000 = 6.600.000.**
 - Thuế GTGT 10% : **660.000.**
 - Tổng thanh toán : **7.260.000 .**
 - Chi phí vận chuyển Công cụ chi bằng tiền mặt là **132.000** trong đó thuế GTGT là **12.000** .
- Nhận được hoá đơn GTGT về mua Công cụ thanh toán bằng TGNH của Công ty T :
 - Giá mua chưa thuế : **500 cái X 12.000 = 6.000.000.**
 - Thuế GTGT là 5% là **300.000 .**
 - Tổng thanh toán : **6.300.000.**
 - Chi phí vận chuyển Công cụ chi bằng tiền tạm ứng là **210.000** trong đó thuế GTGT là **10.000**
- Tổng hợp các phiếu xuất kho Công cụ :**

- Loại Công cụ phân bổ **01** lần cho Quản lý phân xưởng : **100** cái.
- Loại Công cụ phân bổ **02** lần cho Bộ phận Bán hàng : **400** cái (Trong cùng 01 niên độ).
- Loại Công cụ phân bổ **nhiều lần** cho Bộ phận Quản lý Doanh nghiệp : **600** cái (Được phân bổ trong **15** tháng bắt đầu từ tháng 06).

C. Tài liệu bổ sung : Công cụ xuất kho theo các phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO).

YÊU CẦU :

- 1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ.**
- 2. Phản ảnh vào tài khoản Tổng hợp.**

BÀI TẬP 7 :

Doanh nghiệp sản xuất **THANH HẢI** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng **06/ 200X** có tài liệu kế toán như sau :

A. Số dư đầu tháng 06/200X của các tài khoản kế toán : (Đơn vị tính : Đồng)

- Tài khoản 152 : **39.060.000** Chi tiết gồm :
 - VL chính : **32.120.000** (**800** Kg)
 - VL phụ : **4.920.000** (**400** Kg)
 - Phụ tùng : **2.020.000** (**200** cái)
- Tài Khoản 153 : **8.220.000** (**500** cái)

B. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 04/200X :

- 1.** Mua Công cụ của Công ty S theo giá mua chưa thuế là **1.500** cái X **14.500 = 21.750.000** ,thuế GTGT 10% là **2.175.000** thanh toán bằng tiền mặt .Chi phí vận chuyển bốc dỡ chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **165.000** trong đó thuế GTGT là **10%**. Nhập kho đủ
- 2.** Nhập kho đủ Công cụ do đơn vị gia công bàn giao theo giá thực tế **5.880.000** (**400** cái).
- 3.** Mua **300** cái phụ tùng thanh toán bằng tiền mặt theo giá chưa thuế là **9.600 đ/cái** ,thuế GTGT 10% .Chi phí vận chuyển chi bằng tiền tạm ứng là **100.000**. Nhập kho đủ
- 4.** DN mua Vật liệu chưa thanh toán cho Công ty H với giá mua chưa thuế ,thuế GTGT là **10%**:
 - Vật liệu chính : **47.400.000** (**1.200** Kg) - Vật liệu phụ : **6.840.000** (**600** Kg) .
 Đã nhập kho đủ.

- Chi phí vận chuyển bốc dỡ Vật liệu chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **756.000** trong đó thuế GTGT là **36.000** được phân bổ cho Vật liệu chính : **480.000** , vật liệu phụ **240.000**.

5. Xuất kho Công cụ – Dụng cụ :

Đối tượng sử dụng	Giá thực tế		
	Loại phân bổ 1 lần	Loại phân bổ 2 lần	Loại phân bổ nhiều lần
1. Quản lý phân xưởng	100 cái	600 cái	
2. Bộ phận bán hàng	200 cái		
3. Bộ phận QLDN	100 cái		1.000 cái
Tổng cộng	400 cái	600 cái	1.000 cái

- 6. Xuất kho Vật liệu chính để trực tiếp sản xuất sản phẩm là **1.800 Kg**.
- 7. Xuất kho **400** cái phụ tùng cho quản lý doanh nghiệp
- 8. Xuất kho Vật liệu phụ để trực tiếp sản xuất sản phẩm : **500 Kg** - Quản lý phân xưởng sản xuất : **300 Kg**.

Tài liệu bổ sung :

- Công cụ phân bổ nhiều lần được phân bổ trong **6** tháng kể từ tháng 06
- Vật liệu - Công cụ xuất kho theo phương pháp Bình quân một lần cuối tháng

YÊU CẦU :

1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
2. Phản ảnh vào Tài khoản 152 (Các chi tiết) .153

BÀI TẬP 8 :

Doanh nghiệp sản xuất **THĂNG LỢI** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng **06/ 200X** có tài liệu kế toán như sau :

A. Số dư đầu tháng 06/200X của các tài khoản kế toán : (Đơn vị tính : **Đồng**)

- **Tài khoản 151 : 44.800.000** (Vật liệu chính : **500 kg X 89.600**) Đã có hoá đơn GTGT .

- **Tài khoản 152 : 92.440.000** Chi tiết gồm :

- Vật liệu chính : **90.220.000** (**1.000 Kg**) - Vật liệu phụ : **2.220.000** (**100 Kg**)

- Tài Khoản 153 : **2.060.000** (**200** cái)

B. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 06/200X :

- 1 Vật liệu chính đang đi đường của tháng trước đã về nhập kho **300 Kg**.
- 2 Doanh nghiệp mua Công cụ của Công ty **K** theo giá mua chưa thuế là **400** cái X **9.600** = **3.840.000** ,thuế GTGT **10%** là thanh toán bằng tiền mặt .Chi phí vận chuyển bốc dỡ chi bằng tiền tạm ứng theo giá thanh toán là **110.000** trong đó thuế GTGT là **10%**, Công cụ đã nhập kho đủ
- 3 Doanh nghiệp nhập kho vật liệu phụ do thuê ngoài gia công có giá thực tế **7.880.000** (**400 kg**).
- 4 Doanh nghiệp mua Vật liệu chưa thanh toán cho Công ty **Q** với giá mua chưa thuế ,thuế GTGT là **10%**:
 - Vật liệu chính : **89.500.000** (**1.000 kg**) - Vật liệu phụ : **9.700.000** (**500 kg**) . Đã nhập kho đủ.
 - Chi phí vận chuyển bốc dỡ vật liệu chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **660.000** trong đó thuế GTGT là **10%** được phân bổ cho vật liệu theo trọng lượng nhập kho thực tế.
- 5 Xuất kho Vật liệu , Công cụ – Dụng cụ :

Đối tượng sử dụng	Vật liệu chính	Vật liệu phụ	Công cụ – dụng cụ		
			Loại phân bổ 1 lần	Loại phân bổ 2 lần	Loại phân bổ nhiều lần
1. Trực tiếp sản xuất SP	1.500 kg	500 kg			
2. Quản lý phân xưởng		100 kg	50 cái		
3. Bộ phận bán hàng		50 kg	20 cái	200 cái	
4. Bộ phận QLDN		150kg	30 cái		250 cái
Tổng cộng	1.500 kg	800 kg	100 cái	200 cái	250 cái

Tài liệu bổ sung :

- Công cụ phân bổ nhiều lần được phân bổ trong 15 tháng kể từ tháng 06.
- Vật liệu - Công cụ xuất kho theo phương pháp Bình quân một lần cuối tháng.

YÊU CẦU :

1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
2. Phản ảnh vào Tài khoản 152 (Các chi tiết) .153

BÀI TẬP 9

Doanh nghiệp sản xuất **TUẤN PHONG** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ .Trong tháng 06 có tài liệu nhập xuất vật liệu như sau :

A. Số dư ngày 31/ 05 của các Tài khoản :

- **Tài khoản 151 : 12.000.000 (600 kg X 12.000 = 7.200.000** của vật liệu B đã có hoá đơn GTGT)
- **Tài khoản 152 : 23.000.000**
 - Vật liệu chính A : **500 Kg X 40.000 = 20.000.000.**
 - Vật liệu phụ B : **300 Kg X 10.000 = 3.000.000.**

B. Các nghiệp kinh tế phát sinh trong tháng 06 :

1. Nhận được hoá đơn GTGT về mua vật liệu chính A chưa thanh toán Công ty X : Giá mua chưa thuế : **1.500 Kg X 40.800 = 61.200.000** ,thuế GTGT 10% .Khi kiểm nhận nhập kho phát hiện thiếu **100** kg chưa rõ nguyên nhân. Sau đó doanh nghiệp xác định được nguyên nhân do Công ty X giao thiếu và công ty X đã giao thêm **100** Kg . Chi phí vận chuyển vật liệu trên chi bằng tiền mặt là **330.000** trong đó thuế GTGT là **10%**.
2. Nhận được hoá đơn GTGT về mua vật liệu phụ B thanh toán bằng TGNH của Công ty M : Giá mua: **650 Kg X 10.600 = 6.980.000** ,thuế GTGT là **10%** là . Khi kiểm nhận nhập kho phát hiện thừa **50** kg chưa rõ nguyên nhân và đang giữ hộ .Chi phí vận chuyển vật liệu trên chi bằng tiền mặt là **308.000** trong đó thuế GTGT là **10%**.
3. Công ty M cho biết số vật liệu do thủ kho của họ giao nhầm và đề nghị bán luôn số vật liệu thừa , doanh nghiệp mua luôn nhưng chưa thanh toán .
4. Vật liệu B đang đi đường của tháng trước đã về nhập kho **300** kg .
5. Xuất kho **1.800** kg vật liệu chính A để sản xuất sản phẩm .
6. Xuất kho **1.100** kg vật liệu phụ B trong đó :
 - Sản xuất sản phẩm : **700** Kg .
 - Quản lý phân xưởng : **200** Kg.

- Bộ phận bán hàng : 120 Kg.

- Bộ phận QLDN : 80 Kg.

C. Tài liệu bổ sung : Vật liệu xuất kho theo các phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)

YÊU CẦU :

1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ.

2. Phản ảnh vào tài khoản 152 và các chi tiết

BÀI TẬP 10 :

Doanh nghiệp sản xuất **THANH HẢI** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng **06/ 200X** có tài liệu kế toán như sau :

A. Số dư đầu tháng 06/200X của các tài khoản kế toán : (Đơn vị tính : Đồng)

-Tài khoản 151 : **59.600.000** (Công ty X : số lượng **1.000** kg Vật liệu chính : Đã có hoá đơn GTGT)

-Tài khoản 152 : **42.560.000** Chi tiết gồm :

- Vật liệu chính : **30.700.000** (500 Kg)

- Vật liệu phụ : **8.680.000** (400 Kg)

- Phụ tùng : **3.180.000** (200 cái)

-Tài Khoản 153 : **7.440.000** (600 cái)

B. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 06/200X :

1. Mua Công cụ của Công ty **H** theo giá mua chưa thuế là **500** cái X **11.400 = 5.700.000** ,thuế GTGT **10%** là **570.000** thanh toán bằng tiền mặt .Chi phí vận chuyển bốc dỡ chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **210.000** trong đó thuế GTGT là **5%**. Nhập kho đủ.
2. Nhập kho Công cụ do đơn vị gia công bàn giao theo giá thực tế **4.660.000** (**400** cái).Nhập kho đủ.
3. Mua **400** cái phụ tùng thanh toán bằng tiền mặt theo giá chưa thuế là **14.300** đ/cái ,thuế GTGT **10%** .Chi phí vận chuyển chi bằng tiền tạm ứng theo giá thanh toán là **110.000** trong đó thuế GTGT là **10%**. Nhập kho đủ.
4. Số vật liệu chính đang đi đường của tháng trước đã về nhập kho ,khi kiểm nhận nhập kho doanh nghiệp phát hiện thiếu **100** Kg chưa rõ nguyên nhân và đồng thời báo cho Công ty X biết.

5. Doanh nghiệp mua **500 kg** Vật liệu phụ ,giá mua chưa thuế **19.200 đ/kg** ,thuế GTGT là **10 %** thanh toán cho Công ty K bằng tiền mặt ,nhưng khi kiểm nhận nhập kho phát hiện thừa **150 Kg** chưa rõ nguyên nhân ,doanh nghiệp đã nhập luôn số thừa và báo cho Công ty K biết .
6. Công ty X hồi báo là đã giao thiếu vật liệu và đã giao thêm **100 kg** vật liệu chính.
7. Doanh nghiệp mua Vật liệu chưa thanh toán cho Công ty L với giá mua chưa thuế ,thuế GTGT là **10%**:
 - Vật liệu chính : **88.800.000 (1.500 Kg)** - Vật liệu phụ : **9.500.000 (500 Kg)** .
Đã nhập kho đủ.
 - Chi phí vận chuyển bốc dỡ vật liệu chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **1.260.000** trong đó thuế GTGT là **5%** được phân bổ cho các loại vật liệu theo trọng lượng nhập kho thực tế.
8. Xuất kho Vật liệu chính để trực tiếp sản xuất sản phẩm là **2.800 Kg**.
9. Sau đó công ty K hồi báo là đã giao thừa vật liệu và đồng ý bán số vật liệu thừa cho doanh nghiệp .Doanh nghiệp chỉ mua thêm **100 kg** thanh toán cho Công ty K bằng tiền mặt ,số **50 Kg** còn lại Công ty K đã đến nhận lại.
10. Xuất kho **500** cái phụ tùng sử dụng cho :
 - Quản lý phân xưởng sản xuất : **300** cái .
 - Bộ phận bán hàng : **200** cái.
11. Xuất kho Vật liệu phụ là **1.300 Kg** trong đó :
 - Trực tiếp sản xuất sản phẩm : **600 Kg** - Quản lý phân xưởng sản xuất : **400 Kg**.
 - Bộ phận bán hàng : **100 Kg** - Bộ phận Quản lý doanh nghiệp : **200 kg** .
12. Xuất kho Công cụ – Dụng cụ :

Đối tượng sử dụng	Giá thực tế		
	Loại phân bổ 1 lần	Loại phân bổ 2 lần	Loại phân bổ nhiều lần
1. Quản lý phân xưởng	100 cái	200 cái	
2. Bộ phận bán hàng	120 cái		

3. Bộ phận QLDN	80 cái		800 cái
Tổng cộng	300 cái	200 cái	800 cái

13. Báo hỏng công cụ loại phân bổ hai lần tại phân xưởng sản xuất có giá thực tế là **4.000.000** ,phế liệu thu hồi nhập kho trị giá **200.000**.

Tài liệu bổ sung :

- Công cụ phân bổ nhiều lần được phân bổ trong **8** tháng kể từ tháng 06.
- Vật liệu - Công cụ xuất kho theo phương pháp Bình quân một lần cuối tháng

YÊU CẦU :

1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
2. Phản ảnh vào Tài khoản 152 (Các chi tiết) .153

BÀI TẬP 11

Danh nghiệp sản xuất **HOÀNG ANH** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ .Trong tháng **12** có tài liệu tồn kho vật liệu như sau :

A. Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho của nguyên vật liệu của năm 200X : có hai trường hợp:

+ **Trường hợp 1 : 3.000.000.**

+ **Trường hợp 2 : 6.000.000.**

A. Tổng hợp số liệu về tình hình kiểm kê và giá nguyên vật liệu ngày 31 tháng 12 năm 200X :

TÊN VẬT LIÊU	Đơn vị tính	ĐƠN GIÁ		Số lượng tồn kho
		SỐ SÁCH	GIÁ TRỊ THUẦN	
1. VL chính A	Kg	40.000	39.000	1.000
2. VL chính B	Kg	32.000	30.000	2.000
3. Nhiên liệu C	Lít	6.000	5.800	500
4. Vật liệu khác	M	8.000	8.100	200

C. **Tài liệu bổ sung** : Giá bán của sản phẩm giảm xuống thấp hơn giá thành sản xuất

YÊU CẦU

1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ.
2. Phản ảnh vào tài khoản tổng hợp

3. Lập mức dự phòng giảm giá Hàng tồn kho năm 200X+1

CHƯƠNG : KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ TRÍCH THEO LƯƠNG

BÀI TẬP 1 :

Tại Công ty Sản xuất THĂNG LONG (TNHH) có tài liệu tiền lương – các khoản trích theo lương :

A. Số dư đầu tháng 04/200X : của các tài khoản (Đơn vị tính : Đồng)

- Tài khoản 334 : **8.000.000.**
- Tài khoản 338 : **6.800.000** chi tiết gồm :
 3383 : **6.000.000** – 3384 : **800.000**

B. Trong tháng 04/200X có tài liệu về tiền lương và BHXH :

1. Ngày 05/04 chi lương kỳ II tháng 03 là **8.000.000**
2. Ngày 10/04 nộp BHXH – BHYT của quý I bằng TGNH (Đã nhận giấy báo nợ)
3. Ngày 15/04 chi tiền mặt tạm ứng lương kỳ I của tháng 04 là **9.500.000** (Mỗi người là **500.000** , riêng giám đốc công ty là **1.000.000**)
4. Các tài liệu để tính lương và bảo hiểm :

Tên CB - CNV	Lương chính (HĐLĐ)	Số lượng Sản phẩm hoàn thành	Số ngày Làm việc (lương Thời gian)	Tiền ăn giữa ca	Số ngày nghỉ hưởng BHXH	% Hưởng BHXH
1	2	3	4	5	6	7
I. Bộ phận văn phòng công ty	16.100.000			1.548.000		
1. Trần tuần Khải	6.600.000		22	264.000		
2. Vũ anh Hòa	2.992.000		22	264.000		
3. Phan Minh Hồng	2.460.000		22	264.000		
4. Nguyễn vỹ Cường	1.760.000		20	240.000	2	70%
5. Trần mỹ Lan	1.188.000		21	252.000	1	70%
6. Lê hưng Thịnh	1.100.000		22	264.000		
II. Phân xưởng sản xuất	14.000.000			3.144.000		

- Nhân viên quản lý	3.000.000			528.000		
1. Lê thanh Hùng	1.900.000		22	264.000		
2. Đặng hoàng Long	1.100.000			264.000		
- Công nhân sản xuất	11.000.000			2.616.000		
1. Mã quỳnh Hoa	1.100.000	80		264.000		
2. Trần kim Liên	1.100.000	90		264.000		
3. Nguyễn nhân Kiệt	1.100.000	80		264.000		
4. Bùi ngọc Nga	1.100.000	120		264.000		
5. Lý mỹ Nhung	1.100.000	80		264.000		
6. Phùng thiên Phương	1.100.000	90		264.000		
7. Đoàn kiến Quốc	1.100.000	100		264.000		
8. Phan diễm Trang	1.100.000	110		264.000		
9. Đinh thị thu Vân	1.100.000	80		252.000	1	70%
10. Hồ Minh Phong	1.100.000	80		252.000	1	70%
Cộng	30.100.000			4.692.000		

5.. Trích KPCĐ – BHXH – BHYT theo tỉ lệ qui định

6.. Tổng hợp các khoản khấu trừ lương :

Tên công nhân viên	Tạm ứng	Thu bồi thường
1. Phan Minh Hồng	80.000	
2. Đinh thị thu Vân		50.000
3. Lê hưng Thịnh	100.000	

7..Chi lương kỳ II cho công nhân viên bằng tiền mặt

C.Tài liệu bổ sung :

- Đơn giá tiền lương một sản phẩm : **20.000 đ**
- Số ngày làm việc theo chế độ trong tháng là **22** ngày .

BÀI TẬP 2 :

Tại 1 doanh nghiệp trong tháng 04/200X có tình hình thanh toán lương và các khoản trích theo lương như sau :

A. Số dư đầu tháng 04 của TK 338 : 26.000.000đ chi tiết gồm :

- **TK 3382 : 3.000.000**
- **TK 3383 : 18.000.000**

- TK 3384 : 5.000.000

B. Trong tháng có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Rút TGNH về quỹ tiền mặt để tạm ứng lương cho công nhân viên : **80.000.000đ**
2. Chi tiền mặt tạm ứng lương kỳ I : **80.000.000đ**
3. Bảng tổng hợp thanh toán lương : Tiền lương phải trả cho công nhân viên như sau:
 - Tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất **150.000.000đ** trong đó tiền lương nghỉ phép **2.000.000**.
 - Tiền lương nhân viên phân xưởng sản xuất : **8.000.000đ**
 - Tiền lương bộ phận bán hàng : **12.000.000đ**
 - Tiền lương bộ phận QLDN : **20.000.000đ** trong đó tiền lương nghỉ phép **600.000**.
4. Trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất là 2% trên tiền lương (**148.000.000 X 2% = 2.960.000**) .
5. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo chế độ quy định.
6. Trợ cấp tai nạn lao động , ốm đau phải trả : **1.500.000**.
7. Nộp kinh phí công đoàn : **3.000.000** – bảo hiểm xã hội : **18.000.000** – bảo hiểm y tế : **5.000.000** bằng TGNH (Ngân hàng đã báo nợ)
8. Rút TGNH về quỹ tiền mặt : **98.600.000đ**
9. Chi tiền mặt thanh toán lương kỳ II : **98.600.000đ**
10. Nhận tiền hoàn trả của cơ quan BHXH về số BHXH doanh nghiệp đã thực hiện bằng TGNH : **2.000.000** và doanh nghiệp chi BHXH cho người lao động bằng tiền mặt .

YÊU CẦU :

- 1/ Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên
- 2/ Phản ánh vào tài khoản .
- 3/ Phản ánh vào vào tài khoản

BÀI TẬP GIÁ THÀNH GIẢN ĐƠN

BÀI TẬP 1

Doanh nghiệp sản xuất **THẮNG LỢI** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ . Trong tháng 06 có tài liệu kế toán sau (Đơn vị tính : **Đồng**)

A. Số dư đầu tháng 06 của tài khoản 154 : 38.000.000 chi tiết :

- Sản phẩm A : **20.000.000.** - Sản phẩm B : **18.000.000.**

B. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 06 :

1. Xuất kho vật liệu chính giá thực tế **300.000.000** để trực tiếp sản xuất sản phẩm trong đó :
 - Sản phẩm A : **160.000.000** - Sản phẩm B : **140.000.000** .
2. Xuất kho vật liệu phụ giá thực tế : **64.000.000** trong đó :
 - Trực tiếp sản xuất sản phẩm : **54.000.000** (SP A : **30.000.000** – SP B : **24.000.000**)
 - Quản lý phân xưởng : **10.000.000.**
3. Tiền lương thực tế phải trả cho công nhân sản xuất : **82.000.000** trong đó :
 - Công nhân sản xuất : **70.000.000** (SP A : **40.000.000** – SP B : **30.000.000**)
 - Nhân viên quản lý phân xưởng : **12.000.000.**
4. Trích KPCĐ – BHXH – BHYT theo tỉ lệ 19% trên tiền lương tính vào chi phí sản xuất
5. Xuất kho công cụ loại phân bổ một lần dùng cho quản lý phân xưởng : **2.000.000.**
6. Xuất kho công cụ loại phân bổ hai lần dùng cho quản lý phân xưởng : **8.000.000**
7. Báo hỏng công cụ loại phân bổ hai lần tại phân xưởng sản xuất có giá thực tế là **6.000.000**, phế liệu thu hồi nhập kho : **200.000.**
8. Chi phí khấu hao TSCĐ của quản lý phân xưởng là **5.230.000.**
9. Chi phí điện ,nước thanh toán bằng TGNH theo giá thanh toán là **22.000.000** trong đó thuế GTGT là 10% sử dụng cho quản lý phân xưởng .

10. Báo cáo của phân xưởng sản xuất :

- Phế liệu thu hồi nhập kho của sản phẩm A : **1.120.000** - sản phẩm B : **3.690.000.**
- Vật liệu chính sử dụng không hết để lãi ngày 31/05 của sản phẩm A : **10.000.000.**
- Vật liệu chính sử dụng không hết để lãi ngày 30/06 của sản phẩm B : **8.000.000.**
- Hoàn thành **3.600** sản phẩm A và **2.700** sản phẩm B nhập kho , còn **400** sản phẩm B và **300** sản phẩm B dở dang.

C. Tài liệu bổ sung :

- Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ được đánh giá theo **phương pháp chi phí vật liệu**

Chính

- Tính giá thành theo **phương pháp trực tiếp.**
- Chi phí sản xuất chung phân bổ cho sản phẩm theo **chi phí nhân công trực tiếp.**

Đáp số :

- Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ của sản phẩm A : **19.000.000** - sản phẩm B : **15.000.000**.
- Tổng giá thành thực tế của sản phẩm A : **280.800.000** - sản phẩm B : **216.000.000**.
- Giá thành đơn vị thực tế của sản phẩm A : **78.000 đ/SP** - sản phẩm B : **80.000 đ/SP** .

BÀI TẬP 2

Doanh nghiệp sản xuất **THANH HẢI** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ ,tổ chức sản xuất gồm một phân xưởng sản xuất chính .

- Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là Quy trình công nghệ .
- Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm chính khác nhau.

Trong tháng 06 Phòng kế toán có tài liệu như sau :

A. Số dư đầu tháng 06 của các Tài khoản :

- Tài khoản 154 : **11.538.000** chi tiết gồm:
 (Vật liệu trực tiếp: **7.936.000** - Nhân công trực tiếp : **1.938.000** – Sản xuất chung : **1.664.000**)
- Các tài khoản khác có số dư giả định.

B. Các nghiệp kinh tế phát sinh trong tháng 06 :

1. Doanh nghiệp mua vật liệu chính thanh toán bằng tiền mặt theo thanh toán là **110.000.000** trong đó thuế GTGT là **10%** dùng để trực tiếp sản xuất sản phẩm.
2. Xuất kho Vật liệu phụ theo giá thực tế là **16.000.000** trong đó :
 -Trực tiếp sản xuất sản phẩm : **12.000.000**.
 -Quản lý phân xưởng sản xuất chính : **4.000.000**.
3. Xuất kho Công cụ – dụng cụ theo loại phân bổ một lần theo giá thực tế là **1.000.000** sử dụng cho quản lý phân xưởng sản xuất chính.
4. Xuất kho Công cụ – dụng cụ theo loại phân bổ nhiều lần theo giá thực tế là **12.000.000** sử dụng cho quản lý phân xưởng sản xuất chính. kế toán phân bổ trong **6** tháng kể từ tháng **06**.
5. Báo hỏng Công cụ loại phân bổ hai lần tại phân xưởng sản xuất giá thực tế là **4.000.000** ,phế liệu thu hồi nhập kho trị giá **200.000**.
6. Tiền lương thực tế phải trả cho các bộ phận :

-Công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm : **30.000.000**

-Nhân viên quản lý phân xưởng sản xuất chính : **8.000.000.**

7. Trích BHXH – BHYT - KPCĐ theo tỉ lệ 19% trên tiền lương thực tế phải trả cho các đối tượng.

8. Chi phí khấu hao TSCĐ của phân xưởng sản xuất chính là **3.868.000.**

9. Chi phí Điện ,nước chưa thanh toán cho Công ty X theo giá thanh toán là **16.800.000** trong đó thuế GTGT là 5% sử dụng cho quản lý phân xưởng sản xuất .

10. Báo cáo của phân xưởng sản xuất :

- Vật liệu chính sử dụng không hết để lại ngày 31/05 : **8.000.000** – ngày 30/06 : **10.000.000.**

- Phế liệu thu hồi nhập kho trị giá **1.920.000.**

- Hoàn thành nhập kho **6.000** sản phẩm C và **4.000** sản phẩm D .

- Đồng thời thu được **400** sản phẩm phụ F nhập kho .

- Còn **300** sản phẩm C và **200** sản phẩm D dở dang .

Tài liệu bổ sung :

- Chi phí sản xuất dở dang cuối tháng được đánh giá theo **phương pháp 50 % chi phí chế biến thực tế.**

- Hệ số giá thành được duyệt của sản phẩm C : **1** ,sản phẩm D : **1.2**

- Giá thành kế hoạch một sản phẩm phụ F là **6.000** Đ/sản phẩm.

- Phương pháp tính giá thành là **phương pháp Hệ số.**

YÊU CẦU : 1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ kinh tế .

2. Phản ảnh vào tài khoản tổng hợp .

Đáp số : - Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ : **7.506.000.**

- Tổng giá thành thực tế : **183.600.000 .**

- Giá thành đơn vị một sản phẩm C : **17.000** đ/SP – sản phẩm D : **20.400** đ/SP

BÀI TẬP
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2

CHƯƠNG : NỢ PHẢI TRẢ VÀ CÁC NGUỒN VỐN

BÀI TẬP 1

Tại Doanh nghiệp sản xuất **QUANG LONG** trong tháng 03/200X có tài liệu kế toán :

A.Số dư đầu tháng của các Tài khoản :

-Tài khoản 311 : **600.000.000** chi tiết gồm:

+Ngân hàng Á Châu (ACB) : **200.000.000**

+Ngân hàng ngoại thương (VCB) : **400.000.000**

- Tài khoản 131 : **400.000.000**

+ Chi tiết Công ty A : **300.000.000**

+ Chi tiết Công ty B : **100.000.000**

- Tài khoản 331 : **200.000.000** (Công ty C)

B .Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 03 /200X :

1. Ngân hàng Sài gòn thương tín (SACOMBANK) cho vay thời hạn 03 tháng ,lãi suất 0.8%/tháng để trả nợ cho Công ty C : **200.000.000**.
2. Ngân hàng ngoại thương (VCB) cho vay thời hạn 03 tháng ,lãi suất 0.8%/tháng để mua nguyên vật liệu **60.000.000** ,thuế GTGT là **6.000.000** nhập kho.
3. Công ty A trả nợ cho Doanh nghiệp .Doanh nghiệp yêu cầu chuyển trả vào Tài khoản VCB : **300.000.000** .VCB đã báo nợ.
4. Doanh nghiệp trả nợ cho Ngân hàng Á Châu (ACB) **50.000.000** bằng chuyển khoản.
5. Công ty B trả nợ cho Doanh nghiệp .Doanh nghiệp yêu cầu chuyển trả vào Tài khoản Ngân hàng Á Châu (ACB) : **100.000.000** .ACB đã báo nợ.
6. Doanh nghiệp vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (EAB) để mua hàng hoá là **100.000.000** ,thuế GTGT :**10.000.000** , thời hạn 06 tháng ,lãi suất **0.8%/tháng**.

YÊU CẦU :

1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
2. Phản ảnh vào Tài khoản và các chi tiết có liên quan.

CHƯƠNG : THÀNH PHẨM VÀ TIÊU THU THÀNH PHẨM

BÀI TẬP 1

Hãy định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau : (Đơn vị tính : Đồng)

1. Xuất kho **2.000** sản phẩm giá xuất kho **40.000 đ/sp** ,giá bán chưa thuế là **60.000 đ/sp** ,thuế GTGT là 10% bán cho công ty X thu ngay bằng tiền mặt .
2. Xuất kho **3.000** sản phẩm giá xuất kho **50.000 đ/sp** ,giá bán chưa thuế là **70.000 đ/sp** ,thuế GTGT là 10% bán cho công ty M chưa thu tiền .
3. Xuất kho **4.000** sản phẩm giá xuất kho **60.000 đ/sp** ,giá bán chưa thuế là **80.000 đ/sp** ,thuế GTGT là 10% bán cho công ty K thu bằng TGNH.
4. Công ty M chuyển TGNH thanh toán cho doanh nghiệp trước hạn nên được hưởng chiết khấu thanh toán là **2%** trên giá bán chưa thuế (Đã nhận được giấy báo có của ngân hàng)
5. Công ty K khiếu nại có **100** sản phẩm sai qui cách nên đã trả lại cho doanh nghiệp .Doanh nghiệp đồng ý và nhập lại kho ,đồng thời chi tiền mặt thanh toán cho công ty K.
6. Công ty X khiếu nại có **200** sản phẩm không đúng hợp đồng nên đề nghị doanh nghiệp giảm giá **20%** trên giá bán chưa thuế của số sai qui cách , doanh nghiệp đồng ý giảm giá và chi tiền mặt thanh toán cho công ty X .
7. Xuất kho **5.000** sản phẩm giá xuất kho **60.000 đ/sp** ,giá bán chưa thuế là **80.000 đ/sp** ,thuế GTGT là 10% gửi bán theo phương thức chuyển hàng cho công ty D .Sau đó công ty D hồi báo là đã nhận được số sản phẩm mà doanh nghiệp gửi .Khi kiểm nhận nhập hàng phát hiện thiếu **200** sản phẩm chưa rõ nguyên nhân và báo cho doanh nghiệp biết và công ty D chỉ chấp nhận thanh toán số sản phẩm thực nhận bằng tiền mặt .
8. Nhận lại **500** sản phẩm do công ty G trả lại của đợt hàng bán tháng trước cho biết giá bán chưa thuế là **80.000 đ/ sp** ,thuế GTGT là 10% giá xuất kho là **60.000 đ/sp** .Doanh nghiệp chuyển TGNH thanh toán cho công ty G (Đã nhận được giấy báo nợ của ngân hàng)
9. Số sản phẩm thiếu ở nghiệp vụ (7) do thủ kho giao nhầm , kế toán đã điều chỉnh lại sổ kế toán .
10. Xuất kho **1.000** sản phẩm giá xuất kho **50.000 đ/sp** ,giá bán chưa thuế là **70.000 đ/sp** ,thuế GTGT là 10% bán cho công ty S thu bằng tiền mặt . Sau đó công ty S phát hiện thừa **100**

sản chưa rõ nguyên nhân và báo cho doanh nghiệp biết. Doanh nghiệp đề nghị bán luôn số sản phẩm thừa công ty S chấp nhận mua nhưng chưa thanh toán .

11. Xuất kho **2.000** sản phẩm giá xuất kho **40.000** đ/sp , giá bán chưa thuế là **60.000** đ/sp , thuế GTGT là 10% đem trao đổi với công ty F để lấy **500** kg vật liệu chính . trị giá hợp đồng trao đổi ngang giá là **132.000.000** (Trong đó giá bán chưa thuế là **120.000.000** , thuế GTGT là **12.000.000**) . Doanh nghiệp đã giao đủ số sản phẩm theo hợp đồng , công ty F chỉ giao có **400** Kg vật liệu chính , sau đó hai bên thanh lý hợp đồng số chênh lệch thanh toán bằng tiền mặt.
12. Xuất kho **1.000** sản phẩm giá xuất kho **40.000** đ/sp , giá bán chưa thuế là **60.000** đ/sp , thuế GTGT là 10% bán trả góp cho công ty P theo giá bán trả góp là **62.000** đ/sp , thời gian trả góp là 15 tháng . Công ty P thanh toán trước cho doanh nghiệp là 40% . Giả sử công ty P thanh toán nợ trả góp tháng thứ nhất bằng tiền mặt . đồng thời doanh nghiệp kết chuyển lãi trả góp .
13. Xuất kho **2.000** sản phẩm giá xuất kho **40.000** đ/sp , giá bán chưa thuế là **60.000** đ/sp , thuế GTGT là 10% gửi bán cho đại lý Q . Hoa hồng cho đại lý là 5% trên giá chưa thuế .
14. Báo cáo bán hàng của đại lý Q : Đại lý đã bán **1.000** sản phẩm và nộp tiền mặt cho doanh nghiệp sau khi trừ hoa hồng được hưởng . Cho biết thuế GTGT của hoa hồng đại lý là 10% .
15. Xuất kho **100** sản phẩm giá xuất kho **40.000** đ/sp , giá bán chưa thuế là **60.000** đ/sp , thuế GTGT là 10% trả lương cho công nhân viên . Cho biết tiền lương phải trả cho công nhân viên là **7.000.000** , số chênh lệch chi thêm bằng tiền mặt .
16. Xuất kho **200** sản phẩm giá xuất kho **40.000** đ/sp , giá bán chưa thuế là **60.000** đ/sp , thuế GTGT là 10% biếu tặng cho khách hàng nhân dịp công ty tổ chức hội nghị khách hàng .
17. Xuất kho **300** sản phẩm giá xuất kho **40.000** đ/sp , giá bán chưa thuế là **60.000** đ/sp , thuế GTGT là 10% ủng hộ đồng bào bị lũ lụt (Được tài trợ từ quỹ phúc lợi)
18. Xuất kho **10** sản phẩm giá xuất kho **40.000** đ/sp , giá bán chưa thuế là **60.000** đ/sp , thuế GTGT là 10% khuyến mãi cho khách hàng .
19. Xuất kho **40** sản phẩm giá xuất kho **40.000** đ/sp , giá bán chưa thuế là **60.000** đ/sp , thuế GTGT là 10% sử dụng cho quảng cáo chào hàng.

BÀI TẬP 2

Doanh nghiệp sản xuất **THẮNG LỢI** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng **06/ 200X** có tài liệu kế toán như sau :

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 06/200X :

1. Xuất kho một lô thành phẩm bán trả góp cho công ty F có giá bán trả ngay chưa thuế **200.000.000** ,thuế GTGT là 10% lãi trả góp **8.000.000** ,thời gian trả góp là **15** tháng .Công ty F thanh toán ngay bằng tiền mặt là **50%** .Số còn lại trả góp trong **15** tháng . giá xuất kho **180.000** đ/sp.
2. Giả sử thu nợ trả góp tháng thứ nhất bằng tiền mặt ,đồng thời kết chuyển lãi trả góp .
3. Xuất kho **1.000** sản phẩm theo hợp đồng trao đổi với công ty P để lấy vật liệu ,đơn giá bán **20.000** đ.sp ,thuế suất GTGT là 10% , giá xuất kho là **12.000** đ/sp. Doanh nghiệp đã nhận được vật liệu : Số lượng : **1.000** kg , đơn giá bán **19.000** đ./kg , thuế suất GTGT là 5%.
4. Doanh nghiệp và công ty P đã thanh lý hợp đồng và quyết toán công nợ bằng tiền mặt.
5. Xuất kho **400** sản phẩm A giá xuất kho **40.000** đ/sp , giá bán chưa thuế nội bộ là **50.000** đ/sp ,thuế GTGT là 10 % dùng trả lương cho công nhân viên.
6. Xuất kho **500** sản phẩm A ,giá xuất kho **40.000** đ/sp ,giá bán chưa thuế là **60.000** đ/sp ,thuế GTGT là 10% trong đó :
 - Trả thưởng cuối năm cho công nhân viên : **300** sản phẩm.
 - Ung hộ các tổ chức ,đoàn thể xã hội : **200** sản phẩm.(Lấy từ quỹ phúc lợi)
7. Xuất kho **200** sản phẩm A ,giá xuất kho **40.000** đ/sp giá bán chưa thuế là **60.000** đ/sp trong đó :
 - Khuyến mãi : **150** sản phẩm.
 - Phục vụ quản lý doanh nghiệp : **50** sản phẩm.
8. Xuất kho **1.000** sản phẩm B giá xuất kho là **20.000** đ/sp ,giá bán chưa thuế là **40.000** đ/sp ,thuế GTGT là 10% bán cho công ty X thu ngay bằng tiền mặt .Khi nhập kho công ty X phát hiện thừa **50** sản phẩm chưa rõ nguyên nhân và báo cho doanh nghiệp biết số sản phẩm thừa công ty X đang giữ hộ.
9. Doanh nghiệp đề bán luôn số sản phẩm thừa ở nghiệp vụ (8) công ty X chấp nhận mua nhưng chưa thanh toán .

10. Xuất kho **2.000** sản phẩm C giá xuất kho là **30.000 đ/sp**, giá bán chưa thuế là **50.000 đ/sp**, thuế GTGT là 10% bán cho công ty G thu bằng TGNH. Khi nhập kho công ty G phát hiện thiếu **100** sản phẩm chưa rõ nguyên nhân và báo cho doanh nghiệp biết.

11. Doanh nghiệp kiểm tra lại số sản phẩm C thiếu do thủ kho giao nhầm và thống nhất với công ty G là không giao thêm số sản phẩm thiếu và thanh toán cho công ty G bằng tiền mặt.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản các nghiệp phát sinh

CHƯƠNG : ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

BÀI TẬP 1 :

1. Doanh nghiệp chi tiền mặt **200.000.000** gửi có kỳ hạn vào ngân hàng. Lãi suất 0.6 % /tháng, 3 tháng lãnh lãi một lần.
2. Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn bằng tiền mặt.
3. Doanh nghiệp xuất kho một số hàng hoá có giá xuất kho **100.000.000** đem đầu tư ngắn hạn vào công ty X. Công ty X xác định giá trị đầu tư là **95.000.000**. Chi phí đem hàng hóa đi đầu tư chi bằng tiền tạm ứng là **660.000** trong đó thuế GTGT là 10%.
4. Doanh nghiệp đem một TSCĐ hữu hình có nguyên giá **200.000.000**, đã khấu hao 40.000.000 đem đầu tư ngắn hạn vào công ty K. Công ty K xác định giá trị đầu tư là **180.000.000**. Chi phí đem TSCĐ đi đầu tư chi bằng tiền mặt là **1.100.000** trong đó thuế GTGT là 10%.
5. Nhận được thông báo chia lợi nhuận từ công ty X và K là **6.000.000**.
6. Ngân hàng báo có về lợi nhuận được nhận của nghiệp vụ (5)
7. Doanh nghiệp nhận lại tiền gửi có kỳ hạn ở nghiệp vụ (1) bằng TGNH.
8. Giả sử doanh nghiệp nhận lại vốn đã đầu ngắn hạn tư vào công ty X và nhận lại bằng tiền mặt là 86.000.000, số còn lại xem như lỗ.
9. Giả sử doanh nghiệp nhận lại vốn đã đầu ngắn hạn tư vào công ty K và nhận lại bằng TSCĐ, doanh nghiệp xác định lại nguyên giá là **120.000.000**, nhận bằng tiền mặt là **70.000.000**, số chênh lệch xem như lãi.

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ

BÀI TẬP 2 :

1. Doanh nghiệp mua một trái phiếu thời gian đáo hạn là **6** tháng có giá mua là **12.000.000** thanh toán bằng TGNH. Chi phí môi giới chi bằng tiền mặt là **200.000**. Thu lãi định kỳ

bằng tiền mặt . Giả sử khi đáo hạn Doanh nghiệp thu cả vốn lẫn lãi bằng TGNH .Cho biết lãi suất là **8%** /năm.

2. Doanh nghiệp mua **200** cổ phiếu BMP giá mua **150.000** đ/cổ phiếu thanh toán bằng TGNH .Chi phí môi giới chi bằng tiền mặt **400.000**.
3. Doanh nghiệp mua trái phiếu với giá mua là **18.000.000** thanh toán bằng TGNH . lệ phí chi bằng tiền mặt **300.000** theo phương thức hưởng lãi trước , cho biết lãi suất là **10%** /năm , thời gian đáo hạn là **6** tháng . Giả sử khi đáo hạn doanh nghiệp thu cả vốn lẫn lãi bằng TGNH .
4. Doanh nghiệp mua **400** cổ phiếu AFG giá mua **118.000** đ/cổ phiếu thanh toán bằng TGNH .Chi phí môi giới chi bằng tiền mặt **800.000**.
5. Doanh nghiệp mua một trái phiếu với giá mua **36.000.000** thanh toán bằng TGNH .Chi phí môi giới chi bằng tiền mặt là **600.000** thời gian đáo hạn là **9** tháng theo phương thức hưởng lãi sau , cho biết lãi suất là **10%** /năm . Giả sử khi đáo hạn doanh nghiệp thu cả vốn lẫn lãi bằng TGNH .
6. Doanh nghiệp mua một kỳ phiếu ngân hàng có mệnh giá là **12.000.000** lãi suất **10%**/năm thời gian đáo hạn là **10** tháng theo phương thức hưởng lãi sau của công ty P , cho biết công ty P đã hưởng lãi được **04** tháng với giá thỏa thuận là **12.400.000** . Giả sử khi đáo hạn doanh nghiệp thu hồi vốn bằng TGNH.
7. Giả sử doanh nghiệp bán **100** cổ phiếu BPM với giá bán là **160.000** đ/cổ phiếu thu bằng tiền mặt .
8. Giả sử doanh nghiệp bán **200** cổ phiếu AFG với giá bán là **115.000** đ/cổ phiếu thu bằng TGNH .

YÊU CẦU : Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ

CHƯƠNG : XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KD – PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

BÀI TẬP 1

Doanh nghiệp sản xuất **THẮNG LỢI** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng **06/ 200X** có tài liệu kế toán như sau :

A. Số dư đầu tháng 03/200X của các tài khoản kế toán : (Đơn vị tính : Đồng)

- Tài Khoản 155 : (Sản phẩm C : **1.400** Sản phẩm X **31.000 = 43.400.000**)
- Các tài khoản khác có số dư giả định.

B. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 06/200X :

1. Nhập kho từ sản xuất **8.000** sản phẩm C .
2. Xuất kho **2.000** sản phẩm C bán cho Công ty **P** theo giá bán chưa thuế là **50.000** Đ/sản phẩm .thuế GTGT là 10% trên giá bán chưa thuế thu bằng TGNH
3. Nhập lại **600** sản phẩm C bán cho Công ty **Q** tháng trước đồng thời chi tiền mặt thanh toán cho Công ty **Q** theo giá bán là **48.000** Đ /sản phẩm ,thuế GTGT 10%. Giá thực tế thành phẩm nhập là **31.000** Đ/sản phẩm.
4. Xuất kho **2.000** sản phẩm C bán cho Công ty **M** theo giá bán chưa thuế là **50.000** Đ/sản phẩm, thuế GTGT là 10% trên giá bán chưa thuế thu bằng tiền mặt.
5. Công ty **M** báo có **300** sản phẩm C sai qui cách nên Doanh nghiệp đã giảm giá cho Công ty **M** là **25%** trên giá bán chưa thuế của số sản phẩm sai qui cách .Doanh nghiệp đã chi tiền mặt thanh toán cho Công ty **M**.
6. Xuất kho **3.000** sản phẩm C bán cho Công ty H với giá bán chưa thuế là **50.000** Đ/sản phẩm. Thuế GTGT là **10%**. thu bằng tiền mặt.
7. Thu tiền bồi thường do khách hàng vi phạm hợp đồng bằng tiền mặt : **8.000.000**.
8. Chi bồi thường do vi phạm hợp đồng bằng tiền mặt : **6.000.000**.
9. Thu lãi TGNH và lãi chứng khoán bằng TGNH : **5.000.000**.
10. Chi trả lãi vay ngân hàng bằng TGNH : **2.000.000**.
11. Tổng hợp chi phí bán hàng và chi phí Quản lý doanh nghiệp :

Khoản mục chi phí	Chi phí Bán hàng	Chi phí QLDN
- Tiền lương	7.000.000	6.000.000
- BHXH –BHYT-KPCĐ	1.330.000	1.140.000
- Vật liệu	1.200.000	450.000
- Công cụ (Loại phân bổ 1 lần)	370.000	360.000
- Khấu hao TSCĐ	3.600.000	2.400.000
- Tiền mặt	1.100.000	2.700.000
- TGNH	23.400.000	33.000.000
Cộng	38.000.000	46.050.000

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là **28%** .

13. Cuối tháng kết chuyển Doanh thu và chi phí để xác định kết quả kinh doanh

Tài liệu bổ sung :

- Thành phẩm xuất kho theo phương pháp Bình quân một lần cuối tháng.
- Giá thành thực tế của sản phẩm C nhập trong tháng là **29.750** Đ/sản phẩm.

YÊU CẦU :

1. Tính toán – Định khoản các nghiệp phát sinh .
2. Phản ảnh vào tài khoản Tổng hợp.

BÀI TẬP 2

Tại Doanh nghiệp sản xuất **TRƯỜNG ĐÌNH** hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ .Trong **06/ 200X** có tài liệu kế toán :

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong 06/ 200X :

1. Nhập kho **8.000** sản phẩm A theo giá thực tế là **30.000** Đ/sản phẩm và **5.000** sản phẩm B theo giá thực tế là **15.000** Đ/sản phẩm.
2. Xuất kho **2.000** sản phẩm A , giá bán chưa thuế là **40.000** Đ/sản phẩm ,thuế GTGT là **10%** trên giá bán chưa thuế bán cho Công ty K thu bằng TGNH . Sau đó Công ty K khiếu nại có **400** sản phẩm A không đúng hợp đồng đã trả lại cho Doanh nghiệp . Doanh nghiệp đã nhập lại kho số sản phẩm trên và chi tiền mặt thanh toán cho Công ty K.
3. Xuất kho **3.000** sản phẩm B giá bán chưa thuế là **30.000** Đ/sản phẩm ,thuế GTGT là **10%** trên giá bán chưa thuế, bán cho Công ty P chưa thu tiền .Sau đó Công ty P báo có **300** sản phẩm B sai qui cách nên Doanh nghiệp đã giảm giá **20%** trên giá bán chưa thuế của số sản phẩm sai qui cách và cho trừ vào số nợ của Công ty P . Doanh nghiệp đã nhận được giấy báo có của ngân hàng về số tiền Công ty P thanh toán .
4. Doanh nghiệp quyết định bán một TSCĐ hữu hình có nguyên giá là **60.000.000** ,đã hao mòn **50%** với giá bán chưa thuế là **40.000.000** .thuế GTGT là **4.000.000** thu bằng tiền mặt .
5. Xuất kho **2.000** sản phẩm A có giá bán chưa thuế là **40.000** Đ /sản phẩm gửi cho Đại lý Q .Hoa hồng cho Đại lý là **5%** trên giá bán chưa thuế. **Báo cáo bán hàng của Đại lý Q** : Đại lý đã bán hết số sản phẩm A mà Doanh nghiệp gửi . Đại lý đã nộp tiền mặt cho

Doanh nghiệp sau khi trừ hoa hồng được hưởng., thuế GTGT của hoa hồng là 10% (Chi phí hoa hồng này chưa có trong Bảng tổng hợp chi phí).

6. Xuất kho **1.000** sản phẩm B trao đổi với Công ty T để lấy **400** Kg vật liệu chính theo giá trị hợp đồng là **33.000.000** (Trong đó giá bán chưa thuế **30.000.000** ,thuế GTGT : **3.000.000**) . Công ty T đã giao đủ vật liệu.
7. Thu lãi liên doanh và lãi chứng khoán bằng TGNH là **10.000.000**.
8. Chi phí lãi vay ngân hàng chi bằng tiền mặt là **4.000.000**.
9. Thu khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ bằng tiền mặt : **5.000.000**.
10. Bán một chứng khoán dài hạn thu bằng tiền mặt là **30.000.000** cho biết giá gốc là **26.000.000**.
11. Tổng hợp chi phí :

Yếu tố chi phí	Bộ phận Bán hàng	Bộ phận Quản lý Doanh nghiệp
1. Tiền lương	7.000.000	15.000.000
2. Trích BHXH ,BH YT ,KPCĐ	1.330.000	2.850.000
3. Vật liệu phụ	670.000	650.000
4. Công cụ loại phân bổ 1 lần	500.000	900.000
5. Khấu hao TSCĐ	2.300.000	3.500.000
6. Chi phí Điện ,nước ,điện thoại	3.400.000	4.100.000
7. Tiền mặt	1.800.000	10.000.000
8. Tiền gửi Ngân hàng	9.200.000	17.600.000

- 12 Cuối kỳ kết chuyển thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào thuế GTGT phải nộp.
- 13 Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là **28%** .
- 14 Cuối kỳ kế toán kết chuyển Doanh thu và chi phí để xác định kết quả kinh doanh .

Tài liệu bổ sung :

- Thành phẩm xuất kho theo giá thực tế nhập kho trong tháng.

YÊU CẦU :

1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2. Phản ảnh vào Tài khoản tổng hợp

(154,155,157, 511, 531, 532, 632 ,635, 641, 642 ,711, 811, 911, 421)

BÀI TẬP 3

Doanh nghiệp sản xuất HÙNG PHÁT hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp GTGT theo phương pháp khấu trừ . Trong tháng 12 năm 200X có tài liệu kế toán sau : (ĐVT : đ)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng :

1. Xuất kho một lô thành phẩm giá xuất kho **650.000.000** , giá bán chưa thuế là **800.000.000** ,thuế GTGT là 10% bán cho công ty X thu ngay bằng tiền mặt.
2. Công ty X báo có một số sản phẩm sai qui cách nên đã trả lại theo giá bán chưa thuế **20.000.000** ,thuế GTGT **2.000.000** ,thanh toán bằng tiền mặt ,đồng thời nhập lại kho thành phẩm bị trả lại theo giá vốn là **12.000.000**. Chi phí vận chuyển chi bằng tiền mặt theo giá thanh toán là **550.000** trong đó thuế GTGT là 10%.
3. Xuất kho một lô thành phẩm giá xuất kho **280.000.000** , giá bán chưa thuế là **400.000.000** ,thuế GTGT là 10% bán cho công ty K thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng.
4. Công ty K báo có một số sản phẩm sai qui cách nên đã giảm giá theo giá chưa thuế là **10.000.000** ,thuế GTGT **1.000.000**.
5. Doanh nghiệp góp vốn liên doanh 01 TSCĐ hữu hình có nguyên giá **300.000.000** đã hao mòn là **100.000.000** vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát M .Hội đồng liên doanh công ty M c xác định giá trị vốn góp của tài sản trên là **250.000.000** .Cho biết tỉ lệ vốn góp của doanh nghiệp vào liên doanh là 20% . Cho biết TSCĐ trên liên doanh xác định thời gian sử dụng là 04 năm .
6. Doanh nghiệp bán một chứng khoán dài hạn có giá gốc là **40.000.000** với giá bán chưa thuế là **50.000.000** thu bằng tiền mặt.
7. Doanh nghiệp quyết định bán một TSCĐ hữu hình có nguyên giá là **100.000.000** đã hao mòn là **60.000.000** với giá bán chưa thuế là 50.000.000 ,thuế GTGT là 10% thu bằng TGNH .Chi phí vận chuyển tài sản đem bán chi bằng tiền mặt là 440.000 trong đó thuế GTGT là 10%.
8. Doanh nghiệp đầu tư liên kết vào công ty P một tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 200.000.000 ,đã hao mòn là 80.000.000 . Công ty liên kết xác định giá trị đầu tư là 110.000.000.
9. Doanh nghiệp nhận được thông báo chia lợi nhuận từ công ty liên kết P là 5.000.000.

10. Doanh nghiệp phân bổ lãi mua hàng trả chậm là 4.000.000.
11. Doanh nghiệp thanh toán nợ cho công ty Q trước thời hạn qui định trong hợp đồng nên được hưởng chiết khấu thanh toán là 2% trên số nợ (Cho biết số nợ là 100.000.000)
12. Doanh nghiệp kết chuyển lãi bán hàng trả chậm trong tháng là 6.000.000.
13. Doanh nghiệp thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng bằng tiền mặt là 7.000.000.
14. Doanh nghiệp chi tiền mặt nộp phạt do vi phạm hợp đồng là 4.000.000 .
15. Doanh nghiệp được công ty H biếu tặng một TSCĐ hữu hình có giá thị trường là 50.000.000 .Thuế TNDN phải nộp là 28% . Kế toán kết chuyển nguồn vốn có liên quan.
16. Doanh nghiệp trả lãi vay ngân hàng bằng TGNH là 5.000.000.
17. Doanh nghiệp thu lãi TGNH bằng TGNH là 2.000.000.
18. Tổng hợp chi phí phát sinh của bộ phận bán hàng 30.000.000 , Quản lý DN : 40.000.000.
19. Doanh nghiệp quyết định xử lý các khoản nợ không xác định được chủ là 20.000.000.
20. Cuối tháng xác định doanh thu và chi phí để xác định kết quả kinh doanh .

YÊU CẦU

- 1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh**
- 2. Phản ảnh vào tài khoản .**